## Chiếc nhẫn ngọc - Trần Thùy Mai

Đó là chiếc nhẫn có số phận kỳ lạ mà vì ngốc nghếch hoặc tham lam, người ta đã luôn ngộ nhận về giá trị của nó. Một người đàn bà đã phải trả cho nó cái giá quá đắt, và một người đàn ông cũng suýt vì nó mà đánh mất hạnh phúc của mình.  
  
Tuấn bước lên sân thượng khách sạn. Người đàn bà đang ngồi chờ anh. "Tên tôi là Manuelle, người ta thường gọi là Manu".  
  
Làm việc với khách sạn hơn sáu năm, Tuấn đủ kinh nghiệm trong ngành du lịch để nhận biết khá nhanh về nhân thân của người khách lạ. Người đàn bà này lịch lãm, quen tiếp xúc với nhiều người. Tên tuổi như vậy, nói tiếng Pháp chuẩn như vậy, nhất định là dân Pháp. Nhưng mái tóc đen như thế thì người Pháp không có. Cũng không phải người Việt, người Việt không có đôi mắt này. Đôi mắt tỏa sáng huyền bí như mắt người Ấn hay người Mã Lai... Tuấn phân vân, nhưng anh không hỏi. Du khách đến khách sạn giống như đoàn lữ hành qua sa mạc, đến và đi với gió, họ thường không thích lưu lại dấu chân mình trên cát.  
  
"Các bạn gái tôi giới thiệu anh. Họ bảo anh dễ mến lắm. Tôi đến đây chỉ có một mình".  
  
Tuấn hiểu. Anh là một nhân viên khách sạn đẹp trai và khá khôn lanh. Nhiều nữ du khách đã trở nên thân thiết với anh sau một lần lưu trú. Anh luôn tìm hết cách để chiều lòng họ, và anh chẳng thiệt thòi gì. Nhưng hôm nay e phải chối từ: Mai là lễ ăn hỏi của anh. Sáng nay anh đã xin nghỉ, nhưng đúng một phút trước khi rời khách sạn thì nhận được tấm danh thiếp của người đàn bà lạ.  
  
Tuấn nghĩ cách từ chối mà không phải nhắc đến vị hôn thê của mình. Anh là người sành tâm lý phụ nữ. Đàn bà, họ luôn muốn độc tôn, dù là trong mắt một người đàn ông xa lạ. Vả lại, Festival còn kéo dài đến hết tuần, mà đến ngày kia anh đã có thời gian rồi. "Thưa bà...".  
  
Nhưng cũng đúng lúc đó người đàn bà mở miệng nói, nên theo phép lịch sự anh phải nhường lời cho phụ nữ. "Hôm nay tôi muốn đi một chuyến về phía tây. Các bạn tôi bảo anh có xe riêng rất tốt, phải không?".  
  
Đúng vậy, anh đã mua xe để thêm thuận lợi trong công việc, cũng vì chiếc xe mà hiện nay anh còn mắc nợ ít nhiều. Anh rất muốn nhận chuyến đi này, nhưng không thể được. Liên rất hay hờn, vẫn thường giận dỗi bảo anh chỉ biết tham công tiếc việc, chẳng dành đủ thời giờ cho nàng. Anh đã lao đao nhiều lần suýt vuột mất cô bạn gái xinh xắn bé nhỏ, nếu bà mẹ nàng không luôn miệng bênh vực và tán dương ông con rể tương lai.  
  
"Tôi sẽ không quên công anh". Manu nói, bà cử động hai bàn tay đang nắm lấy nhau trên mặt bàn, một cử động hết sức uyển chuyển làm nổi bật lên chiếc nhẫn ngọc xanh biếc. Theo Tuấn, cử chỉ ấy mang một ngụ ý khá rõ rệt. Thấy ánh mắt chàng trai, Manu hỏi rất tự nhiên:  
  
- Anh có thấy chiếc nhẫn này đẹp không?  
  
Tuấn gật đầu. "Ngọc lục bảo phải không?". Anh hỏi. Người đàn bà im lặng mỉm cười. Tuấn buột miệng:  
  
- Phải đến ba nghìn đô-la?  
  
Nói xong Tuấn chợt thấy ngượng, anh nhận ra mình đã có câu nói hớ hênh, không thanh lịch chút nào. Thật tầm thường, mình đã mở miệng hỏi giá tiền trong khi lẽ ra phải tán dương vẻ đẹp của nó. May sao Manu không có vẻ gì phản cảm với anh, bà ta chỉ vỗ vai chàng thanh niên với một vẻ bao dung:  
  
- Anh sành giá cả như thế, nhất định biết rất rõ các thứ ngọc quý.  
  
Tuấn lấy lại tự tin. Không biết tự lúc nào, anh đã quên mất lời cáo từ.  
  
Tuấn cho xe lướt rất êm. Manu ngồi bên cạnh, cặp mắt sâu và đen nhìn đăm đăm về phía núi xanh trước mặt.  
  
Điện thoại di động trong túi Tuấn rung nhẹ. Chắc chắn là Liên. Tuấn hơi bối rối, nhưng rồi anh quyết định để nó rung thoải mái cho tới khi tắt. Anh nhủ thầm sẽ cố xong mọi việc với Manu để về sớm, còn lý do để giải thích với Liên thì khi nào cũng sẵn có trong đầu anh, ngại gì. Tự thu xếp với mình như vậy, anh thấy yên tâm, nhận ra Manu đang hướng anh đi theo con đường dẫn lên A Lưới. Không sao, đường này anh cũng đã đưa du khách đi nhiều lần, khách nước ngoài rất thích du ngoạn những vùng đất hẹp trong sơn ao. "Chị muốn xem những vùng có người dân tộc phải không? Mình phải kịp về trước khi trời tối, ban đêm ở vùng cao không an toàn đâu. Tôi đã nhận trách nhiệm với khách sạn phải đưa chị đi về an toàn".  
  
Anh đã nói dối, thói quen nói dối trơn tru không cần suy nghĩ. Đêm vùng cao ở đây chẳng có gì nguy hiểm cả, chỉ có điều anh đang cần về sớm. Manu xem chừng chẳng bận tâm mấy đến lời hăm dọa của anh, bà ta bảo:  
  
- Tôi có bản đồ đây, tôi sẽ chỉ đường cho anh - Thấy Tuấn chưng hửng, Manu mỉm cười giải thích: Tôi là biên đạo múa ở Nhà Hát Trẻ thành phố S... Tôi đang dựng một vũ kịch trong đó nhân vật chính là cô bé Kalang - Nga, người Tà Ôi.  
  
- Sao lại người Tà Ôi?  
  
- Đúng vậy. Ở Pháp không có dân tộc ít người. Những đề tài về các dân tộc miền núi làm người ta quan tâm.  
  
- Làm sao chị biết về người Tà Ôi, từ tít bên kia?  
Manu cười, đưa bàn tay có chiếc nhẫn, lật cuốn sổ có một trang ghi chú những con đường núi với những cái tên Tà Ôi đã phiên âm. Viên ngọc trên bàn tay phản chiếu ánh mặt trời, xanh biếc. "Có nhiều cách. Thư viện. Cộng tác viên. Và cả trí tưởng tượng nữa".  
  
Manu quây kính xe lên, lập tức phía bên kia Tuấn cũng quây kín cửa lại cho khỏi gió. Người đàn bà cởi áo khoác. Đôi vai trần nâu mịn hiện ra trước mắt anh trên chiếc áo hai dây. Từ đôi vai anh có thể tưởng tượng ra cơ thể mảnh mai lạ thường mà phụ nữ trung niên thường không có. Có cảm giác như vừa uống một ly bia, anh bốc lên, dận ga cho xe lao rất nhanh trên đường đèo. Manu đặt một tay lên vai anh, như muốn bảo anh chậm lại. Hơi ấm từ bàn tay xuyên qua lần vải áo. Điện thoại đúng lúc ấy lại rung khẽ trong túi anh. Những hồi rung kéo dài, nối tiếp nhau, dai dẳng, như muốn níu giữ anh lại. Nhưng xe đã tiến lên dốc đèo Aco, ra ngoài vùng phủ sóng.  
  
\* \* \*  
  
Sau gần sáu mươi cây số chạy xe và hơn một giờ đi bộ, họ tới nhà mộ Tà Ôi giữa thung lũng hoang vắng. Tuấn phải rút dao nhíp cắt bớt những nùi dây leo quấn quýt bít lối đi để đưa Manu vào đến tận nơi.  
  
Mặt trời nghiêng xuống chiếu vào cây cột lớn trong nhà mồ, rọi những tia dữ dội lên hình mặt người khắc trên cột. Phía sau cột cái, một dãy quan tài nằm cạnh nhau, mỗi quan tài là một thân cây đẽo vuông vức. Manu đến chỗ quan tài lớn nhất, đặt lên đấy bó hoa hồng trắng. Bó hoa đã hơi ủ rũ sau nửa ngày đường, nhưng vẫn rất thơm, thơm ngát.  
  
Hoa hồng trắng của một người phương Tây nơi nhà mộ hoang vu này... Tuấn thầm nghĩ. Manu lấy ra một gói lớn, bà ta trầm tư một lát rồi mở gói, đặt lên nắp quan tài những nén bạc lớn. Tuấn đếm được tất cả ba mươi nén bạc.  
  
Họ liên quan gì đến nhau, Manu và những người chết ở đây? Tuấn nghĩ thầm nhưng không dám hỏi. Manu đã xăm xăm trở ra giữa hai bờ cỏ tranh. Tuấn chăm chú nhìn vào mái tóc quăn cuốn cao trên cái ót đầy đặn. Anh chăm chú quan sát vẻ mạnh mẽ uyển chuyển kỳ lạ trong từng cử chỉ của người đàn bà: Vẻ bí ẩn bao quanh bà ta giống như một thứ men rượu, kích thích và gieo vào anh một sự hưng phấn mãnh liệt.  
  
Trời đã sẫm chiều. Khi ra đến chỗ để xe hơi, Manu ngồi bệt xuống vệ cỏ. Tuấn trải tờ báo ra, bày mấy thức ăn khô có sẵn trong xe. Manu uể oải nhai mẩu bánh mì với một lát xúc xích. Phần Tuấn đã đói cồn cào, anh ngốn hết những thứ đã mang theo. "Manu, mình về thôi". Manu nhìn lên, mặt tái xanh. Lúc đó Tuấn mới nhận ra dưới vẻ mạnh mẽ và tự kiềm chế, người đàn bà đang xúc động cực độ. Anh hốt hoảng: "Manu, chị cần phải nghỉ một chút. Tôi đưa chị vào làng nhé?". Nghe câu nói của anh, Manu giật mình: "Khỏi cần, tôi không vào đâu, trên xe được rồi".  
  
Tuấn lật ghế xuống, tạo thành hai cái giường song song. Manu ngả lưng xuống băng ghế sau, vẻ như kiệt sức. Tuấn giúp Manu kê đầu lại cho ngay ngắn, cởi giúp bà ta đôi giày đang bó chặt lấy cổ chân. Anh do dự không biết có nên giúp Manu nới những cái móc, cái cúc tế nhị hơn không. Rồi có lẽ được cảnh hoang vắng chung quanh khuyến khích, anh ôm choàng lấy Manu, ngực sát vào ngực người đàn bà. Hai bàn tay anh vuốt từ dưới gáy đến đôi vai, rồi dọc theo lưng, bằng cách đó anh làm cho người đàn bà thư giãn và tỉnh táo lại sau cơn xúc động. Mặt bà ta hồng lên, mắt mở. Tuấn cúi xuống, những lọn tóc rũ trước trán khiến khuôn mặt anh mang một vẻ buông thả mê muội. "Xem kìa, Tuấn, sao vậy?". Manu hỏi. Tuấn nói, không quanh co:  
  
- Tôi thích chị.  
  
Manu ngồi dậy, nói như hụt hơi:  
  
- Cảm ơn, nhưng tôi không thể... Tôi lại có cảm tưởng như ở trong lễ pok ruông. Tôi sợ đến không thở được.  
  
Tuấn bóp trán Manu, vầng trán giờ đây lạnh buốt, anh phải cố cho hơi ấm trong tay anh thấm vào.  
  
"Đừng sợ, chị sẽ dễ chịu lại ngay thôi mà".  
  
Trong tay anh, mạch cổ tay của Manu dần đập đều trở lại. Tuấn lấy tấm chăn có sẵn trong xe phủ lên người Manu. "Anh muốn biết pok ruông là gì phải không? Cứ ngồi với tôi một chút, tôi sẽ kể cho anh nghe".  
  
Tuấn là người phóng túng, nhưng khi cần anh biết kiềm chế bản thân. Thôi không quấy Manu nữa, anh ngoan ngoãn ngồi bên bà ta trong tấm chăn ấm. Bên ngoài, sương xuống ướt ròng trên kính xe, chung quanh trời đất tối mịt thành một khối đen vô tận.  
  
\* \* \*  
  
Kalang Nga vừa đi vừa thút thít khóc. Lúa đã về nhà rồi, chỉ còn nửa con trăng nữa là đến Tết. Tế thần Yang Tro xong, cả nhà sẽ được ăn cơm mới. Nhưng năm nay thì không được rồi. Nhà Aviet đã giục đón dâu, chỉ năm sáu bữa nữa là phải ra đi.  
Kalang Nga mười hai tuổi. Cả bản làng khen cô đẹp, phơi phới như lúa đầu mùa. Những người già nói Kalang Nga giống mẹ. Mẹ chỉ còn là người đàn bà đen đúa, gầy còm sau nhiều năm vất vả. Vậy mà ngày còn trẻ mẹ Kalang Nga nổi tiếng đẹp nhất vùng, có tài dệt thổ cẩm rất khéo, cha Kalang Nga đã phải đi vay ở nhà Aviet để nạp tiền "văn" - tiền thách cưới - mới đủ. Vì món nợ ấy, Kalang Nga vừa lọt lòng đã được chủ nợ đặt cọc. Bây giờ, mẹ Kalang Nga đã chuẩn bị cho con váy, áo và chiếu nằm. Kalang Nga bứt tóc van vỉ. "Cho con ăn cơm mới ở nhà ". Mẹ Kalang Nga lắc đầu:  
  
- Không được đâu. Nhà trai đòi đón dâu từ hồi con năm tuổi. Khất nhiều nhiều rồi, không khất thêm được đâu.  
  
Cha Kalang Nga thì trừng mắt bảo con:  
  
- Mày làm dâu nhà Aviet là có phước lắm rồi, làm dâu nhà sang, được đeo dây Katteng ngàn sợi, không hơn ở nhà khó quanh năm ăn củ nưa à.  
Người lớn đã nói vậy, Kalang Nga chỉ còn biết nuốt nước mắt thôi. Bên nhà Aviet đã nối thêm gian mới. Aviet Khất giàu có, nhiều vợ, nhiều con cháu, nhà dài đến chín gian. Kalang Nga chưa đến gần bao giờ, nhưng cô bé sợ ông ta, sợ lắm. Aviet Khất là người thợ săn hùng mạnh và cũng rất hung dữ. Một lần khi lên tám tuổi, Kalang Nga đã nhìn thấy người vợ thứ ba nhà Aviet bị xử tội. Người đàn bà bị buộc vào sau ngựa và bị kéo lê đi khắp xóm, thân hình đầy máu.  
  
Một hôm trước ngày đón dâu, cô bé đã chạy đến nhà Pasieng Rêm, người lái buôn thường về xuôi buôn bán sau mùa gặt. "Bác Rêm, cháu có nhiều đồ quý, bác bán giùm cháu được không?" Cô bé vừa hổn hển nói vừa quỳ xuống, buông vạt váy mà cô đang lật lên, khư khư bụm lấy trước bụng. Một mớ hòn cuội trong, nhẵn bóng đổ ra trên sàn. Đó là tất thảy những viên cuội đẹp nhất mà cô bé Kalang Nga nhặt được trong những lần đi cõng nước ngoài suối trong suốt năm năm.  
  
Pasieng Rêm ngạc nhiên. "Mày muốn gì?". Kalang Nga năn nỉ:  
  
- Cháu nghe nói bác về xuôi, đem vật quý của rừng về đổi gạo, muối, bạc. Cháu muốn nhờ bác đổi những thứ này lấy bạc.  
  
- Những hòn cuội, người Kinh họ không thích, mày cất đi mà chơi. Vả lại mùa này ta không đi buôn, đã có ông bạn người Kinh đây đem saphia, nồi đồng, thanh la, muối lên cho ta rồi.  
  
Hy vọng tiêu tan, Kalang Nga rã rời quỳ phục trên sàn, không đứng dậy nổi. Cô không biết rằng trong tư thế ấy trông cô rất đẹp, tấm zèng ngắn quàng từ ngực xuống đầu gối co lên để lộ đôi chân tròn và bóng mượt như thân chuối non. Nước mắt cô chảy từ cằm xuống vành ngực bầu bĩnh sau đường hoa văn căng tròn trên tấm thổ cẩm. Người lái buôn miền xuôi ngồi bên gùi hàng nhìn cô đăm đăm...  
Khi Kalang Nga lượm lại những viên sỏi, buồn bã xuống đến chân cầu thang, một bàn tay giữ bờ vai cô lại.  
  
"Tội nghiệp em. Em đừng sợ, tôi thương em lắm".  
Trong bóng tối, trên bàn tay người đàn ông hiện ra một vật lấp lánh sáng. Một chiếc nhẫn màu xanh. "Ngọc đấy".  
  
Lần đầu tiên cô bé thấy một vật quý như vậy. Hai mắt cô không thể rời khỏi ánh xanh huyền ảo của nó. "Em ra gặp tôi ở bờ suối ngoài bìa rừng. Tôi sẽ giúp em".  
  
Kalang Nga đã nghe dân làng nói về saphia và ngọc. Chúng rất quý, chỉ những nhà rất giàu mới có được. Nhưng cô bé cũng hiểu, lời hẹn ngoài rừng có nghĩa là gì. Cô run lên, giọng khàn đi:  
  
- Tôi sợ lắm.  
  
- Đừng sợ. Tôi thương em lắm mà. Từ chiều mai em có thể trả cho Aviet Khết gấp bốn gấp năm lần tiền "văn", còn phải sợ ai nữa.  
  
Kalang Nga vã mồ hôi ra, em không biết luật tục sẽ xử trí như thế nào trong trường hợp này. Em muốn về nhà hỏi mẹ, nhưng không thể được, viên ngọc xanh như có sức thôi miên. Cô bé đờ đẫn bước đến gần, mắt dán vào chiếc nhẫn.  
  
Kalang Nga ra bìa rừng. Người đàn ông chờ cô bên bờ suối. Cô bé sợ hãi và đau rát. Dù xinh đẹp phổng phao, nhưng cô cũng chỉ là một đứa trẻ. Một đứa trẻ đã biến thành đàn bà. Từ nay cô là một dạng trẻ con - đàn bà; đàn bà vì hai lẽ, cô đã biết đàn ông và đã có nữ trang.  
  
Nhưng món nữ trang không dễ bán. Pasieng Rêm lầm lì cầm chiếc nhẫn, soi trước ngọn lửa, rồi bảo:  
  
- Mày ngu quá. Đây không phải ngọc, chỉ là viên ve chai thôi. Tao trả mày ba đồng xu thôi.  
  
Kalang Nga kêu lên thất thanh: "Không, nó là ngọc mà" "Tao đã bảo là ve chai" Pasieng Rêm giận dữ quắc mắt, nắm chặt nó vào bàn tay lão. Kalang Nga cũng không chịu thua, cô bé lăn vào, mắm môi, giật bằng được chiếc nhẫn. Cô quay mình, chạy băng băng xuống cầu thang, đuổi theo người đàn ông miền xuôi.  
  
Ở cuối bản làng, gã miền xuôi đang buộc hai gùi hàng vào hông xe máy, chuẩn bị lên đường. Kalang Nga đâm bổ đến, tóc cô rũ rượi. "Pasieng Rêm bảo tôi, đây là chiếc nhẫn giả". Người đàn ông tức giận:  
  
- Pasieng Rêm nói gian. Cái nhẫn đó quý lắm.  
  
Kalang Nga lắc đầu, nước mắt đầy mặt:  
  
- Tôi chỉ cần ba mươi nén bạc trắng thôi. Ông mua cái nhẫn cho tôi đi.  
  
Gã lái buôn biết, cứ đôi co thế này thì dân trong bản sẽ đổ ra, tai họa sẽ ập xuống đầu cả hai. Bỗng một thoáng, trong óc người đàn ông lóe lên một ý nghĩ táo bạo, hắn ta xốc Kalang Nga lên, đặt ngồi lên xe trước mặt hắn và rồ máy...  
  
Kalang Nga bị bắt cóc khi chưa về nhà chồng. Cha mẹ cô bé chẳng bao giờ có đủ tiền để trả của cho nhà Aviet.  
  
\* \* \*  
  
Manu dừng kể. Trong đêm vắng, Tuấn nghe tiếng sương rơi lộp bộp trên trần xe.  
  
"Rồi họ ra sao? Người Tà Ôi xử sự với họ như thế nào?"  
  
"Luật Tà Ôi với tội bội hôn rất nghiêm khắc. Dù nhà gái có chạy đến góc biển chân trời nào cũng khó mà thoát, nhất định phải đền của cho nhà trai... Có khi còn bị chém giết... Pok ruông là như thế đấy". Cái rùng mình của Manu sát bên Tuấn khiến bất giác anh cũng thấy sởn gai ốc, cảm thấy như uy lực của ngôi nhà mồ Tà Ôi đang ngự trị đâu đây sát bên anh, trong bóng đêm.  
  
"Còn Kalang Nga? Cô ta sau này ra sao?"  
  
"Nhiều chuyện xảy ra với con bé, kể thì dài lắm. Cuối cùng, nó được đưa vào cô nhi viện của các nữ tu dòng Mến Thánh Giá. Sau đó thì được một người Pháp nhận làm con nuôi".  
  
Bên ngoài xe, bóng đêm loãng dần, tiếng sương rơi thưa đi. Những rặng cây xa xa lờ mờ hiện ra trước một quầng sáng đang ửng lên: Mặt trời sắp mọc.  
"Kalang Nga lớn lên ở Paris, được học hành tử tế. Nó dần dần quên hẳn quá khứ. Khi mọi chuyện đã vượt quá sức một người, người ta chẳng còn cách nào hơn là quên đi để sống lại một đời khác.  
  
Nhưng rồi sau nhiều năm, Kalang Nga bắt đầu có những thông tin từ nguồn cội của mình. Aviet Khết đã không giết và cũng không đòi nợ cha mẹ nó. Hóa ra ông ta không hoàn toàn khủng khiếp như nó tưởng. Trước chủ làng, ông ta nói họ không có tội".  
  
"Kalang Nga kể với chị như thế sao?"  
  
- Vâng. Theo tôi, ông ấy đã có suy nghĩ vượt hẳn những người cùng thời trong bộ tộc, ông đã phát hiện cái mà bây giờ ta gọi là trách nhiệm cá nhân.  
Tuấn gật gù, không nói.  
  
"Từ đó Kalang Nga không hề ngủ được, tâm thức Tà Ôi sống dậy trong nó. Nhiều đêm nó mơ thấy mình bị chủ làng kéo lê trên mặt đất trong lễ rửa nhục. Anh biết đấy, người Tà Ôi không chịu ảnh hưởng đạo Nho như các anh, họ không có những quan niệm về lễ giáo. Với họ điều quan trọng là luật tục. Kalang Nga không thể sống yên khi chưa đền cho Aviet Khết ba mươi nén bạc trắng..."  
  
- Còn chiếc nhẫn? Nó là giả hay thật?  
  
Manu đưa bàn tay ra. "Anh nhìn xem. Nếu quả thực nó chỉ là một hòn thủy tinh, thì có thể nói Kalang Nga là một con ngốc không?"  
  
- Không những ngốc mà là điên! Nhưng dù sao cũng hiểu được, vì đấy chỉ là một cô bé miền núi chất phác, trong một hoàn cảnh rất bức bách.  
  
"Còn anh?" Manu tủm tỉm cười.  
  
Tuấn không hiểu người đàn bà muốn nói gì, anh hơi ngỡ ngàng. Nhưng đúng lúc đó, điện thoại di động trong túi anh rung lên, những hồi rung dài, nối tiếp nhau, dai dẳng và khắc khoải.  
  
Bên ngoài xe, trời đã sáng bạch. Tuấn nhớ sực ra, giờ này chắc Liên đang cuống cuồng đi tìm anh. Đã sáu giờ sáng. Tuấn bứt tóc: "Trời ơi, mình điên, điên thật rồi". Giờ nạp lễ được ấn định là chín giờ. Từ đây về thành phố phải mất bốn giờ, nghĩa là anh đã cầm chắc trễ. Nhưng thôi hãy gắng một lần, nếu chạy xe nhanh, thật nhanh...  
  
Anh không lý giải được vì sao ở ngoài vùng phủ sóng mà điện thoại anh lại bỗng dưng bắt được tín hiệu. Về sau Tuấn mới biết: Thật may mắn, ngày hôm ấy là ngày sóng di động bắt đầu được phủ rộng trên vùng rừng núi phía tây. Đã bốn mươi năm qua từ câu chuyện của Kalang Nga đến câu chuyện của anh, nhưng sức thôi miên của chiếc nhẫn màu xanh thì vẫn không hề khác.  
  
\* \* \*  
  
Liên gần như bật khóc khi vào phút cuối Tuấn lao mình vào nhà, tóc tai phờ phạc vừa đúng lúc họ nhà trai đang tiến vào cổng nhà gái chuẩn bị nạp lễ. Suýt chút nữa thì đám hỏi đã được hoãn lại, nếu cha của chú rể không liều mạng nhất quyết cử hành, với niềm hy vọng ông con trai quý hóa sẽ về vào phút chót.  
  
Mấy hôm sau, Tuấn đi làm. Manu đã rời Huế đi Hà Nội. Người quản lý chuyển cho Tuấn chiếc phong bì và một cái hộp nhỏ. Trên phong bì là tên người gửi: Nghệ sĩ múa Manuelle Hardy, nghệ danh Manu le Cygne. Tuấn nhíu mày: le Cygne trong tiếng Pháp chính là Kalang Nga trong tiếng Tà Ôi, nghĩa là con ngỗng trời (thiên nga).  
  
Trong hộp là chiếc nhẫn màu xanh. Tuấn nhìn kỹ nó, nhưng thật lạ, không có vẻ huyền ảo như lần đầu anh nhìn thấy, hôm nay trông nó trơ trụi và thô thiển hơn nhiều lắm.  
  
Anh mở phong bì, đọc thư:  
  
"Đêm qua tôi đã ngủ được một giấc ngon lành, hơn mười năm nay tôi mới được ngủ như thế. Anh thực sự là một người bạn đường dễ mến, vì vậy tôi rất cảm ơn anh và muốn nhờ anh một việc nữa. Tôi gửi lại anh chiếc nhẫn này. Sau khi sang Pháp tôi vẫn khư khư giữ nó, rồi khi lớn lên, khi đã biết chắc mười mươi chỉ là một hạt ve chai, tôi vẫn không thể vứt đi được. Có lẽ tôi đã trả cho nó một giá quá đắt nên không thể chấp nhận cái ý nghĩ rằng nó là một vật vô giá trị. Anh hãy làm việc đó giùm tôi nhé".  
  
Tuấn cầm chiếc nhẫn lên, đeo vào tay, không thấy nó phát ra ánh xanh lấp lánh nữa. Hóa ra vẻ huyền ảo ma quái ấy có nguồn gốc từ sự tham muốn trong anh, chứ không phải từ chính nó.  
  
Anh về nhà, lúc đi ngang hòn non bộ trong sân, anh dừng lại. Manu không biết rằng anh cũng suýt trả cho nó một giá đắt, vì thế giờ đây cầm nó trên tay anh cũng lưu luyến một cách vô cớ. Nhưng phải nhận lời ủy thác của Manu thôi. Tuấn mỉm cười, thả chiếc nhẫn xuống chân hòn non bộ.  
  
Lắng sâu vào lớp rêu, nó chỉ còn là một viên bi ve lấp lánh vừa đủ để cho lũ cá vàng ngắm nghía mỗi lúc lượn qua.

## Chuyện Cũ Ở Quê Nhà

**L**àng tôi nằm ven bờ sông Hiếu, một ngôi làng nhỏ nép sau lũy tre xanh, trông xa như một đám mây dày màu xanh lục nổi lửng lơ trên mặt nước. Tưởng chừng tuổi thơ tôi gắn liền với tiếng lá tre khua xào xạc: sau này, khi tôi đã đi rất nhiều nơi, mỗi lần vọng tưởng về quê, cái âm thanh mơ hồ buồn buồn ấy cứ gieo vào hồn tôi một cảm giác gì mênh mông, khó tả.  
  
Ông bà ngoại tôi mất sớm. Mẹ tôi mồ côi từ khi mới lọt lòng. Người anh lớn đem mẹ bán cho phường hát bội. Đến mười tuổi mẹ được một người bà con chuộc về, năm mười sáu đã xuôi ngược làm ăn tận Bình Định, Phú Yên, rồi trôi dạt ra Quảng Trị. Cuộc đời mẹ không có tuổi nào là thiếu nữ: chỉ toàn gió bụi và truân chuyên, khi buôn bán ở Đông Hà, lúc lên Thượng Lào làm mướn. Cha mẹ tôi gặp nhau chính ở cái đất Lào xa xôi ấy.   
  
Khi tôi đủ trí khôn để nhớ những việc xảy ra thì cha mẹ đã hồi hương, cắm được bốn cái cọc lều nơi bìa đất ngôi làng ven dòng sông. Dạo ấy Tây còn ruồng dữ lắm. Cha làm cách mạng, chẳng mấy khi tôi được thấy mặt. Mẹ tần tảo buôn xáo nuôi cả nhà, hôm nào cũng gánh gạo đi khi tôi chưa tỉnh giấc và thường về lúc anh em tôi đã ngủ say. Tuổi thơ hầu như không mẹ, không cha, chúng tôi lớn lên bên bà nội. Cho mãi đến ngày lớn khôn, tôi còn nhớ như in cái tiếng ru trầm trầm, khàn khàn của người, hòa trong tiếng lá tre xào xạc, tiếng những thân tre nghiêng ngả cọ vào nhau và tiếng võng đưa kẽo kẹt:  
  
*Trồng trầu… trồng lộn… với tiêu*  
  
*Con đi… đò dọc… mẹ liều… con hư…*  
  
Tôi, đứa bé lên bốn, nằm trên chiếc võng gai, lim dim mắt nhìn trời. Một màu xanh chói chang, trong ngần, sáng loáng. Nền trời ấy như chao đi cùng nhịp võng, những ngọn tre nghiêng ngả dập dềnh, và chiếc võng cũng dập dềnh theo lời ru, tất cả như một con thuyền đưa tôi vào giấc ngủ, bập bềnh trên sóng nước.  
  
Buổi chiều, khi nhá nhem tối, anh em tôi dắt nhau ra bến đò trông mẹ. Trời đất xám lại một màu chàm lễnh loãng; cuối dòng sông là một vệt đỏ bầm, dấu vết của mặt trời vừa lặn. Năm thì mười họa, khi nào chuyến đò chót về sớm lắm, hai anh em tôi mới gặp mẹ. Trời chiều lung linh tan ra từng mảnh tan tác trên mặt nước, nơi chỗ mái chèo khuấy động. Tiếng người lao xao lên bến, tản dần đi trong hoàng hôn. Và mẹ thình lình hiện ra trong cái tranh tối tranh sáng của buổi chiều tà, toàn thân chìm trong màu áo đen và màu đêm, chỉ thấy rõ đôi mắt lấp lánh và khuôn mặt mờ mờ trắng.  
  
- Hải, Khôi!  
  
Hai anh em chạy lại, ôm chầm lấy mẹ. Trong bóng tối tôi quàng hai cánh tay nhỏ bé thít chặt cái thân hình tròn trặn, ngửi cái mùi mồ hôi đã khô, mặn mặn, nồng nồng. Mẹ tôi cúi lục ở đáy thúng, lấy ra hai miếng cốm rang. Niềm sung sướng được đón mẹ cứ ghi khắc trong tâm tưởng tôi, đến nỗi sau này, mỗi lần ăn lại vị cốm nếp tôi vẫn cứ thấy lòng lâng lâng, nao nao hạnh phúc.  
  
Ôi những tháng ngày của tuổi thơ tôi!  
  
Rồi bẵng đi một dạo, mẹ không buôn đò nữa. Mẹ còn chạy vạy những đâu tận trong thị xã. Cha tôi bị tù, bị tra khảo tàn nhẫn lắm thì phải: bà nội không nói, nhưng hai anh em biết qua lời hàng xóm xì xầm. Nhà cứ im ắng như có tang. Buổi sáng, tôi có tính háu đói, ngủ dậy là chạy ngay xuống bếp lục nồi. Ngày trước bao giờ cũng có sẵn một nồi cháo nấu với “chắt chắt” (1) nóng hổi, bốc mùi lá hẹ. Nhưng rồi một hôm bếp lạnh tanh. Tôi chạy lon ton ra níu áo bà:  
  
- Mệ ơi! mệ! Con không có chi ăn hết nì. Đói bụng bắt chết nì!  
  
Bà ngồi yên trên chõng, đưa hai cánh tay gầy khô ra im lặng vuốt tóc tôi. Mắt bà đỏ hoe, miệng nhếch một nụ cười gượng gạo. Tôi chợt nhận ra lâu nay môi bà không thắm quết đỏ như ngày trước.  
  
Tại sao bà không nhai trầu? Tôi sực nhớ mấy tuần trước đây, mẹ quên mua vỏ cho bà, làm bà xoa xuýt suốt ngày. Bà tôi ghiền trầu và nổi tiếng thuộc loại mẹ chồng khó tính!  
  
Thế mà bây giờ môi bà đã khô quết trầu, và trong bếp không còn cả tấm để nấu cháo nữa. Anh Hải tôi ra tuồng hiểu biết, đá cho tôi một cái đích đáng vào khuỷu chân:  
  
- Mở mắt đã đòi ăn! Có mà ăn cứt họ tề!  
  
Tôi òa khóc… Bất công quá trời, nào tôi đã biết gì đâu. Bà tôi đứng dậy, rút roi đòi đánh anh Hải, bây giờ đến lượt anh Hải khóc thét lên, rồi cuối cùng thì bà tôi cũng khóc, giọt nước mắt lóng lánh trên gò má nhô lên, xếp nếp.  
  
Sau đó một thời gian, cha tôi trở về. Ông đã suy nhược tới mức suốt ngày nằm dài trên chiếc giường gỗ ở nhà trên. Tôi còn nhớ một hôm chạy chơi đến tối mịt mới về, mặt mũi lấm lem, tay chân dính bùn đen nhẻm. Cha tôi đang nằm chống tay ngồi dậy, hắng giọng:  
  
- Khôi!  
  
Tôi nín im, dựa lưng vào vách. Mười ngón tay dính bùn dán chặt vào bức nứa.  
  
- Khôi!  
  
Tôi từ từ lại gần, tim đập thình thình trong ngực. Cha tôi nạt tới:   
  
- Khôi! Đi mô chừ mới về? Sướng dữ há! Hải, lấy cho tao cây roi!  
  
Cây roi! Trời ơi! Tôi khiếp đi. Có tiếng anh Hải tôi “dạ” dòn dã ngoài hiên. Tôi bủn rủn chỉ muốn kêu lên: anh ơi, đừng lấy roi!  
  
Nhưng anh Hải đã chạy vào, đặt cạnh giường cha tôi cây roi, không, không phải roi mà là cây gậy tre to tướng mới nhìn cũng phát ớn. Tôi đang sắp sửa òa lên khóc thì chợt cha tôi bật cười, bảo:  
  
- Anh em giỏi dậy đằng cho nhau dữ hí! Cha cái thằng Hải!  
  
Anh Hải vừa cười, vừa chạy trốn sau hè. Tôi đứng im, bỡ ngỡ một lúc mới hiểu rằng cha không còn đủ sức để nhấc cây gậy bằng cỡ ấy lên nữa.  
  
Ông nằm xuống, thở mệt nhọc rồi gọi tôi lại gần, nắm lấy tay, nhìn đăm đăm. Trong cái nhìn ấy có gì lạ lùng lắm. Người cha nằm đó, suốt năm năm của thời thơ ấu chẳng mấy khi tôi được sống gần. Bây giờ người ấy nhìn tôi, nửa như ái ngại, nửa như âu yếm, có cái gì đó không sao nói được thành lời.  
  
Cách đó mấy hôm, cha tôi trở bịnh nặng. Bộ phổi đã dập không còn co bóp nữa, máu sủi lên hai mũi phập phồng. Rồi một hôm nửa đêm tôi tỉnh giấc, lạnh người nghe tiếng mẹ và bà hờ trời hờ đất, giữa canh khuya…  
  
Mẹ tôi, lúc bấy giờ, mới hai mươi bốn tuổi.  
  
Mẹ lại đi buôn đò, tiếp tục cuộc đời “một ngày hai bữa cơm đèn”. Và anh em tôi chiều chiều lại ra bến nước trông mẹ. Lại tiếng bơi chèo khuấy nước, tiếng người xôn xao tản dần đi trong bóng chiều, và cái vệt đỏ bầm pha lẫn vàng úa của những đám mây phía đầu sông nổi bật trên màu hoàng hôn xám ngắt. Trên bờ cỏ nhô cao, hai đứa bé ngong ngóng chờ. Từng người, từng người lên bến, bước chân nặng nặng vì gồng gánh. Khi con đò nhẹ tênh quay mũi bơi đi, anh em tôi dắt nhau ra về, chân thẫn thờ khua động trên lá tre khô. Rồi bữa cơm chiều uể oải, buồn thiu, và đến đêm tôi lại nghĩ mình sẽ cố thức để chờ mẹ. Nhưng rồi giấc ngủ đến thật nhanh trên mi mắt trẻ con, tôi thiếp đi trong tiếng bà tôi quạt muỗi sột sạt, tiếng dế kêu, tiếng hát khàn khàn, trầm trầm, hiu hắt:  
  
*Trồng trầu… trồng lộn… với tiêu*  
  
*Con đi… đò dọc… mẹ liều… con hư…*  
  
Chẳng hiểu bà tôi nghĩ đến ai khi hát câu ca dao ấy? Mẹ tôi chăng?  
  
Suốt đời dường như hình ảnh mẹ trong tâm tưởng tôi gắn liền với màn đêm tối xẩm. Nhưng ngay cả khi nhìn mẹ trong đêm, tôi cũng thấy khuôn mặt người sao mà sáng thế, dịu dàng, tròn trặn làm sao. Trong mắt mẹ chẳng thể có gì hơn là những tia sáng trìu mến vô bờ. Những giờ ngắn ngủi được sống với mẹ, được ôm cổ mẹ, được nũng nịu đòi quà, đối với tôi là những kỷ niệm hạnh phúc không quên.  
  
Bà tôi thì trái lại. Cha tôi mất, nỗi đau thương cứ khoét mãi trong lòng bà như một viên đạn xoáy. Tóc bà bạc hẳn đi, khuôn mặt xếp nếp những đường nhăn sâu như vết rạch. Lưng bà gãy gập xuống. Giọng bà vốn khàn khàn, nay càng khô khốc lại. Cha tôi là đứa con cuối cùng trong ba người con của bà nằm xuống… Tôi nhớ có lần bà tôi nói gì đấy, mẹ tôi bảo:   
  
- Mạ đừng nghĩ tào lao. Dâu ở đây, cháu ở đây, mạ đi mô. Ba mấy đứa là con mạ thì tui cũng là con mạ. Nói lẩn thẩn hoài, thiên hạ người ta cười chết.  
  
Bà tôi đi nằm, trở mình sột sạt mãi trên chiếu…  
  
Nhưng rồi mọi sự đều đâu vào đó. Người ta bảo “nàng dâu nuôi mẹ thế gian mấy người” nhưng mẹ tôi đã tần tảo theo con đò nuôi đủ bà cháu chúng tôi. Từng năm, từng năm, nhà được trét lại vách, lợp lại mái, ngoài sân có thêm cái chum, cái vại. Anh em tôi lại có nồi cháo tấm nấu với chắt chắt mỗi sáng, và bà tôi lại có cau trầu. Mọi việc lại đâu vào đấy: hôm nào mẹ quên mua vỏ - thứ này ở làng tôi không có - bà tôi lại xoa xuýt suốt ngày: “Việc chi thì hắn nhớ, việc của con mệ già ni thì hắn quên!” Bữa ăn bây giờ đã có chút cá, chút thịt. Hôm nào mẹ mua thức ăn không vừa ý, bà tôi lại vừa móm mém nhai vừa nỉ non: “Du hời, du hỡi là du (2)! Mi cho tau ăn con cá lù đù, có sạn đằng đuôi!” giọng bà gay gay, khô khô. Ở bà có cái gì làm chúng tôi sợ và ít thích gần, dù sau này lớn lên, chúng tôi biết rằng đó là kết tinh của những thiệt thòi, mất mát trong cuộc đời người mẹ.  
  
Trồng trầu trồng lộn với tiêu, con đi đò dọc mẹ liều con hư… Người già thường phấp phỏng lo xa, đôi lúc đa nghi. Bà tôi chẳng thích cái nghề buôn đò của mẹ. Nhưng chẳng còn cách nào khác: chính mẹ cũng nào có ưa cái kiếp một ngày hai bữa cơm đèn này đâu. Nhưng còn phải có trầu vỏ cho bà, cơm cá cho hai anh em. Rồi anh em tôi đi học: phải có sách vở, áo quần, guốc dép. Một năm ba bốn lần phải có nếp đậu, gà heo để lo kỵ chạp. Lấy chồng phải gánh giang san nhà chồng… Ở nhà quê, việc kỵ chạp quan trọng lắm. Họ Phan nhà tôi có năm chi. Đến ngày chạp, mỗi nhà trưởng chi đều phải biện mâm cơm cúng ra nhà thờ họ. Nhà tôi cũng là trưởng… Mỗi lần anh Hải cầm mâm về, bà tôi lại nhìn anh, chờ đợi. Nếu anh bảo:  
  
- Mệ ơi, đồ cúng của mình sang nhứt trong năm chi! Lập tức mắt bà tôi sáng lên, miệng móm mém cười sung sướng. Nếu anh Hải bảo:  
  
- Mệ ơi! Gà mình nhỏ quá! Con gà bác Thập to ghê, béo nâng!  
  
Thế là ngày ấy, bà tôi ăn mất ngon và lại bắt đầu xoa xuýt… Nhất là khi nào nghe nói mâm cơm cúng của mình kém mâm cơm nhà chú Xạ, bà tôi buồn hẳn đi. Chú Xạ là em thúc bá của cha tôi, hay cha tôi là em thúc bá của bác Xạ, điều đó nhiều năm đã là đề tài tranh cãi của cả họ. Nguyên nhân là thế này: ông cố tôi ngày trước làm quan, có nhiều vợ và con cái nhiều ngành. Bà vợ cưới sau lại sinh con trước, bà vợ cưới trước lại sinh con sau. Về sau cái mâu thuẫn chung quanh việc ai là anh, ai là em cứ kéo dài mãi: kể thì cũng chỉ là một tiếng xưng hô hão huyền, nhưng trong cái cộng đồng hương thôn bé nhỏ ngày ấy, nó mới mang một ý nghĩa trọng đại làm sao! Bà nội luôn luôn dặn chúng tôi phải gọi người bà con ấy là chú không được gọi bác. Mỗi lần gặp, chúng tôi vừa chào “Thưa chú” là lập tức ông vểnh bộ ria lên, vuốt vuốt chiếc cằm lún phún râu mắt đảo lên trời:   
  
- Mấy đứa con chú Thợ mới đó lớn dữ he!  
  
Ông cố tình nhấn mạnh hai tiếng “chú Thợ” rồi thêm một câu rất kẻ cả:  
  
- Càng lớn càng phải học cho thông hiểu việc đời nghe mấy cháu. Bác cầu cho tụi bay nối được cái phép tắc của ông cha ngày trước, biết tôn ti trật tự, kẻ dưới người trên.  
  
Ôi, cái tôn ti trật tự phong kiến nó đã làm hai nhà thi nhau, mà phô trương thanh thế, ai cũng sợ người ta đâm thọc: “Ưa làm anh làm ả mà không biết ngả mặt lên”. Mẹ tôi biết thế nên năm nào cũng phải nhịn ăn nhịn mặc cho bà tôi được rạng rỡ trong lòng, cho anh Hải tôi được thay bố ra nhà thờ họ thắp nhang mà không phải nghe ai dè bỉu.  
  
Và cũng một phần vì thế, mẹ vẫn neo cuộc đời vào con đò dọc. Bà tôi vẫn phải chấp nhận cái cảnh đi sớm về tối của mẹ. Chiều chiều, khi hai anh em từ bến đò về, thường thường bà tôi đã đứng đó; trong nhà vừa thắp đèn, trên khung cửa cái bóng gầy khô và gẫy gập của bà đen xẫm lại: bà ngó mông lung về phía bến sông.  
  
Mẹ tôi rất đoan trang, hiền hậu. Nhưng mẹ tôi góa chồng từ năm hăm bốn tuổi và từ ấy đã sáu bảy năm trường trôi qua. Những lúc có mẹ ở nhà, bà tôi vẫn thường hát bằng cái giọng khàn khàn, đục đục:  
  
*Con quạ hắn đứng bên tê sông*  
  
*Hắn kêu ơi mạ, chớ lấy chồng bỏ con!*  
  
Cái điệp khúc ấy cứ được ngân nga những lần bà tôi ngồi đẩy rơm bên bếp lửa. Nghĩ cho cùng, dù bà có khó tính gay gắt với mẹ đến đâu, đời bà còn có gì ngoài anh em tôi và mẹ?  
  
  
Tôi còn nhớ mãi cái ngày mẹ tôi ốm không đi buôn đò được. Mẹ mệt lắm, nhưng không dám nằm. Ngồi bên bếp, mẹ xắt chuối cho heo, cột chuối to đè lên chân mẹ. Những giọt mồ hôi rịn ra ướt cả trán, cả gáy. Tôi chợt thấy dường như sắc mặt mẹ xanh xao và vẻ nhìn có cái gì là lạ. Nó thất thần thế nào ấy, khác hẳn tia nhìn dịu dàng, trìu mến thường ngày. Đôi lông mày mẹ trông sắc hơn và hơi xơ xác: có cái gì đó, tôi còn nhỏ quá để hiểu.  
  
Đang xắt chuối, mẹ dừng lại. Có cái gì quặn trong cơ thể, mẹ phải bụm miệng, chận bàn tay ngang ngực để đè nó xuống. Vừa lúc ấy, bà tôi từ ngoài đi vào, chân bước chầm chậm, dè dặt.  
  
Đôi mắt bà dán vào mẹ tôi, dán chặt vào dưới cằm mẹ; ánh mắt bà vừa sợ hãi, vừa đượm đầy hăm dọa.  
  
Mẹ tôi cúi đầu. Mạch máu nơi cổ mẹ nhảy thon thót đến nỗi tôi cũng thấy rõ. Bà chăm chăm nhìn một lúc, rồi buông ra một tiếng khô, như tiếng cành cây gẫy vụn:  
  
- Thôi rồi?...  
  
Im lặng. Rồi tiếng mẹ khản đặc:  
  
- Dạ.  
  
Bà lặng người đi. Khuôn mặt nhăn nheo co rúm lại: một nỗi đau lặng lẽ, tê tái. Tưởng chừng cha tôi vừa chết lần thứ hai: quả thực, suốt đời tôi chỉ thấy khuôn mặt bà co thắt như thế là vào cái ngày cha tôi mất.  
  
Tôi sợ sệt thu mình lại, ngơ ngác. Quay sang bên, tôi thấy anh Hải. Anh đứng đấy tự bao giờ, môi mím lại, mắt trừng trừng nhìn. Đôi mắt của quan tòa nhìn bị cáo…  
  
Một lát sau bà tôi hỏi, run run:  
  
- Mấy tháng rồi?  
  
Mẹ tôi vẫn cúi gục đầu:  
  
- Ba.  
  
- Ai?  
  
- Con không biết. Chỉ có một lần… Rủi ro…  
  
Giọng mẹ nghẹn lại. Bây giờ khuôn mặt của mẹ cũng vậy như bị ai xé rách ra.  
  
Bà chầm chậm bước lên nhà trên. Không hiểu sao bà lại không gắt gỏng hay chửi um lên như những lần tức giận thường ngày. Bà chỉ ngồi thừ người trên chõng. Rồi chợt bà rên hừ hừ, đưa tay đấm ngực. Mẹ tôi ở dưới bếp khóc nức lên…   
  
Đã bao năm rồi, kể từ ngày cha đi tù, ốm, rồi mất, tôi mới sống lại những ngày buồn thương như thế. Nhà cửa im ắng như tờ. Bữa ăn, chẳng ai nói với ai một câu: bà tôi nhìn ra sân, mẹ thì cúi gục xuống, và qua quýt cho xong chén. Hình như mẹ chẳng muốn ăn: trông mẹ nuốt miếng cơm tựa như làm một việc gì khổ sở vô cùng. Nhưng mẹ không dám không ăn, không dám lộ vẻ “hôi cơm tanh cá” trước mặt bà cháu chúng tôi.  
  
Anh Hải tôi đi đâu chẳng biết, ngày nào cũng bỏ đi, mặt mũi đen cháy. Anh chỉ thoáng về vào ba bữa cơm. Mẹ không dám rầy anh: một lần, bằm chuối xong, đau lưng quá, mẹ vịn cột bước lên nhà trên - bụng mẹ lúc ấy đã khá nặng - rồi ngồi xuống chiếc giường gỗ ở bên tả bàn thờ. Vừa lúc ấy, anh Hải bước vào, trân trân nhìn. Mẹ co người lại, bối rối như không biết dấu thân thể vào đâu. Còn tôi, tôi biết anh đang hình dung lại cái cảnh cha tôi chết, nằm trên chiếc giường ấy tám năm trước. Hình ảnh mẹ tôi với chiếc bụng nghén cơ hồ một vết bẩn bôi lên hình ảnh cũ: Anh hầm hầm đi lại, cuốn nhanh chiếc chiếu mẹ đang ngồi. Thổn thức, lặng yên, mẹ đứng dậy, nặng nề trở xuống bếp. Đôi mắt mẹ rầu rĩ, van lơn… Tự nhiên tôi mủi lòng muốn chạy đến, nhưng rồi một cảm giác gớm ghiếc xâm chiếm lấy tôi, tôi quay đi…  
  
Cái tin mẹ tôi “đổ bậy” lan ra rất nhanh trong họ. Ngành chú ngành bác bàn ra, tán vào. Rồi thì một hôm bốn ông thúc bá khăn đen áo dài đến nhà tôi. Họ ngồi trên bộ ghế nơi gian giữa, gọi bà tôi vào nói chuyện. Rồi một lát sau hai anh em được gọi vào, bắt đứng ngay ngắn trước bàn thờ, nghe ông bác ngành trưởng của cha tuyên bố bản án của hội đồng gia tộc về thân phận chúng tôi.  
  
Anh Hải được xử về ở với ông bác ngành trưởng, đi học thợ vôi. Còn tôi thì theo ông chú bên Trung Yên, làm nghề rèn. Lúc ấy tôi đã lên mười, có thể giúp đỡ việc vặt trong lò rèn được. Về ở những nơi đó mới có việc cho chúng tôi làm, nghĩa là để khỏi ai phải nuôi không anh em tôi, mà lại đỡ mướn người phụ việc.  
  
Khi nghe cái bản án “xây đàn, tan nghé” ấy, anh em tôi không ai bảo ai, gắm chặt lấy tay nhau và cùng đưa mắt nhìn bà, cầu cứu. Nhưng bà chỉ ngồi im, bất động. Tôi thấy “chú Xạ” đứng trước bàn thờ, râu vểnh lên, khoái trá. Thường ngày có bao giờ bà tôi chịu kém cạnh trước người bà con này đâu? Thế mà bây giờ, bà đứng đó, vòng tay, cúi đầu, nhẫn nhục trước cái cười ấy đầy khinh mạn. Ôi, bà ơi! Bà ơi! Bà không cứu nổi chúng con ư?  
  
Mẹ tôi từ dưới nhà hổn hển chạy lên quỳ sụp xuống:  
  
- Tui lạy trăm lạy, tui lạy ngàn lạy! Đừng bắt con tui. Cho tui nuôi con tui.  
  
Tóc mẹ xõa ra, đầu phục sát đất, tưởng chừng mẹ có thể liếm cả mặt đất. Trên bàn, một giọng nói lạnh lùng, quắc thước buông xuống:  
  
- Con dâu lỗi đạo, không có quyền được nuôi con, không có quyền phụng sự mẹ chồng. Mẹ chồng chị, con trai chị đã có người họ Phan cấp dưỡng. Cái nhà ni chị cũng không được ở nữa.  
  
Mẹ tôi vẫn quỳ mọp, đầu không ngửng lên, toàn thân run bần bật. Mẹ nhắc đi nhắc lại, răng đánh lập cập vào nhau “cho tui nuôi con tui, đừng bắt con tui”.  
  
Ông bác của ba tôi vuốt râu, đĩnh đạc ban từng lời giáo huấn:  
  
- Đàn bà quý nhất là đạo tam tòng. Phu tử, tòng tử. Như thím Cửu đây - ông quay lại chỉ bà nội tôi - cũng thủ tiết thờ chồng từ năm hai mươi tuổi, xóm làng ai cũng nức tiếng khen. Còn chị, con trai đã có hai đứa, còn ao ước chi nữa, không biết học lấy gương tiết hạnh của mẹ chồng. Có muốn bước đi bước nữa, cũng phải giữ phép tắc, bưng cau trầu ra nhà thờ họ xin phép hẳn hoi. Làm người phải biết nghĩ …  
  
Mẹ tôi thổn thức:  
  
- Dạ, cháu cũng chỉ muốn thờ chồng nuôi con. Sợ con khổ, mới liều ở quá đến chừ. Xin bác xét lại thương cháu…  
  
- Không được! Tôi cũng không giận ghét chi chị. Nhưng còn có xóm làng trông vào, còn có vong linh anh. Cái gì cũng xí xóa cho qua, thì còn thể thống gì nữa.   
  
Khi những người bà con khăn đóng áo dài đã ra đi rất lâu, anh em tôi vẫn đứng đó, trước bàn thờ. Bà tôi vẫn đứng đó với chiếc áo dài trúc bâu đen, vòng tay nín lặng. Làm sao được? Ông chú, ông bác là đại diện dòng họ; bà nội là mẹ chồng; anh em tôi là con trai; muốn hay không muốn, chúng tôi phải cùng đứng về một phía để đòi lại danh dự cho cha tôi, người đã khuất. Đạo lý của gia tộc bắt buộc như thế…  
  
Tâm trí tôi lúc đó như một khoảng không trống rỗng: trán, má, cằm mỏi nhừ, nhức nhối. Tôi nghe tiếng mẹ rên rỉ, tiếng trẻ con lao xao bâu lại ngoài hiên, nhưng không còn thấy cảm thương hay xấu hổ: cơ hồ tâm hồn tôi đã liệt đi, mất hết sự sống…  
  
Rồi cuối cùng, người ta đến bắt anh em tôi.  
  
Ông bác ngành trưởng và ông chú bên Trung Yên đến, lần này không khăn đóng áo dài nữa. Cùng đi với hai ông là chú Xạ và hai người bà con còn trong tuổi trai tráng. Anh em tôi đang làm cỏ trong sân: trong khi ba người lớn tiến vào nhà thì hai anh thanh niên mỗi người nắm lấy một đứa trong chúng tôi. Anh Hải tôi đứng yên, răng nghiến lại, không nhúc nhích. Tựa hồ anh đành chịu chấp nhận số phận khắc nghiệt, một số phận anh không muốn nhưng biết không cách nào tránh khỏi. Còn tôi, lúc ấy tôi òa lên khóc, dãy dụa. “Mạ ơi! Mạ ơi!” Trong trí tôi hiện ra những buổi học ngoài trường làng, những trưa chạy tìm ổ chim sơn ca trên đồng lúa, những buổi chiều đón mẹ ngoài bến sông và vị cốm thơm ngậm sữa… Thôi thế là hết!   
  
“Mạ ơi! Mạ ơi!” Tôi vung vẫy gào khóc. Trên ngưỡng cửa, bà tôi hiện ra. Bà đứng im như đá. Tưởng chừng cả một khối đá từ nghìn năm đang đè xuống thân bà.  
  
Tôi cố nghểnh đầu lên, réo gọi mẹ. Nhưng sao tôi không thấy mẹ…  
  
Một tiếng rên dài, thống thiết, kỳ lạ đến rợn người vọng ra từ trong nhà. Nghe tiếng rên ấy, bà tôi giật nẩy người.  
  
Rồi thực không ngờ, bà tôi chồm lên: tưởng như khối đá vừa vỡ tung thành muôn mảnh vụn. “Cút! Cút đi!” bà hét lớn, giọng bà xé tai như tiếng gió. “Đồ bất nhơn!”  
Chú Xạ tiến lên, hùng hổ định nói một cái gì đó. Nhưng bà tôi đã rút con dao xắt chuối - con dao dài bằng nửa thân người - phóng vút ra giữa sân, con dao quay một vòng trên không, loáng một cái sáng lòe dưới nắng rồi cắm ngập xuống mặt đất, cán rung rung, rung rung.  
  
- Tao không chịu nổi nữa rồi. Cút đi! Không tau băm vằm mổ xẻ tụi bây!  
  
Bà tôi nói như rít lên. Hai người con trai buông chúng tôi ra, lũ trẻ con đang bâu quanh sân rùng rùng bỏ chạy. Trong nhà vọng ra những tiếng rên gấp gáp, tiếng thở nặng nhọc và đau đớn.  
  
Anh em tôi chạy vào vừa lúc bà tôi nức lên:  
  
- Mạ tụi bây làm răng rồi!  
  
Mẹ nằm trên chõng, nửa thân mình đầy máu. Cái thai tám tháng quằn quại dưới làn da bụng: cái thai cũng xúc động theo với thân phận anh em tôi, nó vùng vẫy rách cả lòng mẹ.  
  
Hai đứa tôi bụm mặt không dám nhìn. Chung quanh, người ta kéo đến, xôn xao. “Không xong rồi! Không xong rồi!”  
  
Cô mụ đến, khám cho mẹ rồi lắc đầu. Cả người mẹ co thắt như một cái túi thít chặt, không sao mở được.  
  
“Không xong!” tôi nhắm mắt nghe người ta nói bên tai. Rồi có người bế bổng tôi lên:  
  
- Hai đứa con mô rồi, đem vô cho mẹ hắn nhìn mặt.  
  
Người bế tôi đưa cao tôi lên chuyền qua đám đông. Tôi lại thấy mẹ trên chõng, mình đắp ngang chiếc chiếu cũ. Mồ hôi ướt đẫm cả tóc và mặt mẹ.  
  
Mi mắt mẹ nặng nề như muốn khép lại. Bà tôi mếu máo kêu:  
  
- Mở mắt ra mà ngó con đã, con ơi!  
  
Mẹ nhướng mắt lên. Hai anh em tôi được người ta đẩy đến bên giường. Tự nhiên cả khuôn mặt xám ngắt của mẹ như rực sáng. Môi mẹ thì thầm những tiếng mà chỉ chúng tôi mới hiểu.  
  
Hãy… còn…?  
  
“Mạ ơi, tụi con đây, tụi con hãy còn đây!” Hai chúng tôi kêu to lên. Mẹ cười… nụ cười nhợt nhạt và sung sướng làm sao. Rồi cả người mẹ như duỗi ra, giãn ra. Có điều gì đó vừa xảy đến - Sau này chúng tôi mới biết, điều đó, người ta gọi là sự mầu nhiệm.  
  
Anh em tôi được đưa lên nhà trên. Nửa giờ sau, bà tôi bồng lên một đứa bé - không, một khuôn mặt đỏ hỏn và nhăn nheo gói trong chiếc áo cũ. Một con người vừa đáp tống vào lòng mẹ mà nhảy vào đời. Tất cả những người lớn đều thở phào: nếu em được sinh ra trước hay sau đấy một ngày có lẽ chúng tôi không khỏi cảm thấy kỳ cục, khó chịu. Nhưng hôm nay, sau một biến cố như thế, sự ra đời của em thành ra một việc bình thường, may mắn.  
  
Mẹ tôi được lau rửa, đắp ấm, nằm thiêm thiếp trên giường. Đứa bé nằm bên mẹ. Em gái của tôi…  
  
Trên nhà trên, bà nội tôi ngồi, bần thần một hồi lâu rồi thong thả nói với bà con lối xóm:  
  
- Thế mô họ cũng nói tui là mẹ chồng mà dung túng cho dâu. Thôi thì nói chi thì nói, đến nước ni tui cũng không nề hà chi nữa. Vợ thằng Ngộ (3) cũng như con tui. Con tui có dại, thì tui nuôi cháu…  
  
Ngày mai lại, bà tôi đi chợ Đông Hà mua lá, mua than. Thế rồi em gái tôi lại lớn lên, giữa nhịp võng, bầu trời, tiếng lá tre xào xạc buồn buồn và lời ru của nội…  
  
  
Từ ấy đến nay đã mười tám năm qua. Câu chuyện xa xưa cứ lùi dần, lùi dần vào sương khói của thời gian, để lại trong lòng tôi một kỷ niệm mà mỗi lần nhớ đến lại thấy cay xè đôi mắt.  
  
Mẹ tôi giờ đã già, bà tôi còn già hơn nữa. Hai năm sau cái ngày tai ương ấy, cả nhà tôi bỏ làng lên tỉnh làm ăn, mãi đến sau ngày giải phóng mới trở lại.  
  
Vẫn tiếng lá tre, tiếng gió, và mặt trời chiều trên dòng sông. Chỉ có chúng tôi là đổi thay cùng năm tháng.  
  
Cha tôi được truy tặng liệt sĩ. Anh Hải trước đây bị bắt lính, sau đi cải tạo một thời gian, bây giờ đã có vợ con và làm trong ban quản trị hợp tác. Tôi tốt nghiệp đại học, hiện nay về dạy ở trường cấp 3 thị xã Đông Hà. Về thân thế hai đứa con trai, có thể nói mẹ tôi cũng phần nào mãn nguyện.  
  
Cuối cùng, là em gái tôi …  
  
Người ta phải mất một thời gian khá dài để làm quen với việc dùng hai chữ “em gái” để gọi một sinh mệnh bé nhỏ và xa lạ, tình cờ lạc vào trong cuộc sống gia đình như thế. Nhưng em đã lớn lên và dần dần quen thuộc với chúng tôi: một hình hài đỏ au trong mớ tã; một mái tóc bông bê, đôi má phính lem luốc và đôi vành tai nhỏ đeo khuyên; rồi đến khuôn mặt phảng phất nét mặt mẹ ngày xưa, với đôi mắt tròn, đen, lấp lánh.  
  
Tưởng chừng đôi mắt ấy đang hóm hỉnh nheo lại trước mặt tôi khi tôi đọc những dòng thư từ nơi xa.  
  
“Em đến Mátxcơva vào mùa đông. Lần đầu du học ở một nơi hoàn toàn khác với quê mình, em bỡ ngỡ trước bao nhiêu sự vật, anh ạ! Tuyết phủ trắng mọi nẻo đường, tuyết đẹp tuyệt vời! Trời lạnh căm căm, thế mà trong công viên trai gái vẫn quàng vai nhau đi bách bộ, khi đưa nhau về họ chia tay nhau và hôn nhau trên ngưỡng cửa. Tự nhiên, anh biết em nghĩ gì không? Em nhớ tới mệ mình, giá mệ còn ở đây anh há, thế nào mệ cũng đay nghiến: “Ngó đã trơi đời chưa tề, gai tinh con mắt!”  
  
Sang đây, em nhớ cả nhà, lạ ghê, em lại nhớ mệ nhất anh à. Em đi rồi ai xay trầu cho mệ, mấy anh là con trai có bao giờ lo những việc tỉ mỉ đó. Răng mệ chắc yếu lắm rồi, mạ cũng già ai đi mua trầu mua vỏ cho mệ hở anh… Vậy mà hồi ở nhà có những lúc em vừa tức vừa ghét mệ, mỗi lần tụi bạn trai cùng lớp đến thăm, thật chẳng có gì cả thế mà mệ cứ quăng thúng, đụng nia, làm em xấu hổ quá trời. Lắm lúc mệ cũng phong kiến cổ hủ chết cha đi!”…  
  
Tôi gấp thư em lại, mỉm cười. Em gái tôi, em chưa bao giờ biết sự thực về nguồn gốc của em. Trước đây đã nhiều lần tôi và anh Hải định nói cho em biết, nhưng nghĩ lui nghĩ tới lại thôi…  
  
Mà có lẽ cũng chẳng cần nói làm gì. Hãy để ngày về, em lại thấy bà, và em sẽ a lại gần mừng bà nội của chính em. Bà vẫn ngồi xắt chuối cho heo trước khoảnh sân năm xưa, những nhát dao đều đều như đời bà lặng lẽ…

## Thương nhớ hoàng lan

Tôi sinh ra dưới một mái chùa. Nghe kể rằng sư phụ tôi khi ấy còn trẻ, một hôm đi ngang bỗng động tâm hỏi: “Mô Phật, sao sau chùa lại phơi tã lót?”. Nghe chuyện đời cha tôi, thầy bảo: “Hãy nhớ ngày này. Nếu có cơ duyên, mười năm sau ta sẽ trở lại”. Trở về thầy bỏ tăng viện, lên một ngọn núi hẻo lánh trong rú xa, dựng mấy nếp nhà cỏ. Từ ấy, thầy ẩn tu, hiếm khi xuống núi.

Lớn lên, tôi giống cha như đúc và rất được mẹ yêu chiều. Cha tôi mắt sáng, mũi cao, tiếng nói trầm ấm, tính tình hiền hòa trung thực. Khi còn là một chú tiểu đầu để chỏm, người đã nổi tiếng thông minh, mười lăm tuổi chép rành kinh chữ Hán. Rồi vì học giỏi, được cử làm giáo sư ở trường Trung học Bồ Đề, một trường phổ thông tư thục của Giáo hội. Lúc người sắp được phong Đại Đức thì gặp cô bé nữ sinh tinh nghịch, có đôi mắt hút hồn, đôi môi đầy đam mê và cái tính thích gì thì làm cho bằng được. Ban đầu, cô bé chỉ định quấy phá chơi để thử bản lĩnh của thầy. Nhưng rồi tình yêu là lửa, chính người muốn đốt lại cháy. Cả chùa ngẩn ngơ khi người thanh niên đạo hạnh vòng tay thưa trước sư cụ trụ trì: “Yến bệnh nặng đã bốn tháng rồi, sợ rằng cô ấy chết. Thầy dạy con tu hành để cứu chúng sinh. Nay con có thể cứu một sinh linh, sao lại khước từ”. Cha tôi rời chùa, cô Yến khỏi bệnh rồi hai người thành vợ chồng. Ông bà tôi để lại một ngôi nhà, cha tôi cho dỡ đi, xây vào chỗ đó một ngôi chùa tư. Đã không bỏ đời theo đạo được, thì ông đem đạo về giữa đời. Sauk hi đã có con, ông vẫn ăn chay, mặc áo nâu và tụng kinh sớm chiều. Có lần mẹ tôi đi chợ mua một xâu ếch, những con ếch theo phản xạ cứ chắp hai chân trước vái lia lịa. Một bà đi ngang qua bảo mẹ tôi: “Mấy con ếch lạy khéo không thua thầy M.H”. Rồi bà cười ha hả: “Đi tu mà chẳng chót đời, làm thân con ếch cho người lột da”. Tính mẹ tôi mau nước mắt, cứ vừa đi vừa khóc thút thít cho đến lúc tới nhà. Tối đó bà kèo nhèo mãi, năn nỉ cha tôi tội gì không để tóc, ngả mặn, làm người trần cho sướng cái thân. Tu kiểu này, người ta nói không chịu nổi. Cha tôi chỉ cười, dường như chẳng để tâm. Cả đời người không tranh giành với ai bao giờ mà như có phép thần thông, chạm vào đâu thì phất lên đến đó. Cơ sở làm hương trầm của người càng phát triển, mẹ tôi càng béo đẹp ra thì lời đàm tiếu của thiên hạ càng rần rần. Cuối cùng, chẳng hiểu vì sao, mẹ bỗng đột ngột bỏ đi mất tăm…

Cô ruột tôi giận lắm, bảo: “Mẹ mi là con yêu tinh, khi trước đã phá đời tu của cha mi, chừ lại phá luôn đời tục của ổng”. Ai cũng khuyên đăng báo tìm, nhưng cha tôi chỉ nói “Đừng”. Ông không trách móc gì, nhưng có lẽ ông buồn, tiếng tụng kinh đêm khuya nghe chừng khắc khoải. Chao ôi, với những con thuyền khắc khoải ấy, kiếp nào cha mới đến Tây phương?

Cơ sở làm hương từ đó phó mặc cho cô tôi. Cô tôi cho chặt cây, nhổ cỏ, sửa sang lại cho khu vườn sáng sủa: “Thiệt là hư sự, ai đời lập chùa mà lại trồng hoàng lan trong sân. Mùi hoàng lan là mùi ma, hèn chi ma chướng nó phá cho như thế ni”.

Tôi dân dấn nước mắt nhìn người ta chặt cây hoàng lan, cành lá vứt bừa bãi trên mặt đất. Ngày xưa, gọi đầu xong mẹ tôi thường hái hoa giấu vào bối tóc cho thơm. Bây giờ người đã đi, hoa cũng không còn…

Năm tôi mười tuổi, có vị Đại Đức trên núi về thuyết pháp ở chùa Diệu Đế. Tôi đi theo cô tôi đến nghe. Khi trở về tôi xin xuất gia. Cha tôi bảo: “Kinh sách ở đây, chuông mõ ở đây, con còn đi đâu?”. Tôi chỉ lắc đầu…

Nơi thầy tôi ẩn tu là Bích Vân am – am Mây Biếc. Mười năm khai sơn, thầy đã cùng đồ dệ trồng hơn hai chục mẫu bạch đàn và ba ngàn giò phong lan đủ loại. Các sư huynh dạy tôi chăm hoa, tưới cây mỗi sáng. Buổi chiều đi học ở trường Nam Giao. Năm mười lăm tuổi, tôi bắt đầu chướng tính. Sư huynh hạch tôi: “Bạch thầy, Đăng Minh trốn học, la cà ở quán cà phê Tím. Người quanh đó ai cũng chê cười, họ nói cô ruột Minh làm hương giàu có, cúng dường nhiều tiền nên thầy thả cho Minh tha hồ tự tung tự tác”. Tôi ức, lầm lì không nói, thầy cũng không quở. Tính thầy rất nghiêm, không mấy khi la rầy mà đồ đệ ai nấy tuân lời răm rắp. Chỉ riêng với tôi, không hiểu sao thầy đặc biệt khoan thứ. Sợ thầy phạt, đợi lúc sắp vào tụng kinh, tôi biện bạch: “Bạch thầy, ngày xưa cha con thường bảo: tu trên núi dễ, tu giữa chợ mới là khó. Không ở giữa đời làm sao hiểu đời đục mà tránh?’. Thầy hỏi: “Ai bảo con là đời đục? Đời không đục, không trong”. Tôi hụt hẫng, không hiểu ý thầy định nói gì?

Tu trên non bây giờ thật ra cũng không phải dễ. Thầy tôi tránh đời vào núi sâu, nhưng rồi vườn lan Mây Biếc nổi tiếng quá nên người trần lại kéo lên thưởng ngoạn. Thứ bảy, chủ nhật, học trò đạp xe lác đác trắng trên con đường mòn tới thảo am. Mấy cô nữ sinh nhỏ tuổi mê hoa ngẩn ngơ ngắm bông súng tím trong hồ, chạy vào đến tận hiên, chỗ thầy ngồi viết sách. Thầy không quở, cũng không ngẩng lên nhìn. Một cô bé chạy đến gần tôi, nhìn làn sương li ti mà tôi đang xịt lên những chồi đang đơm nụ. Cô hỏi tôi tên hoa, tôi giảng: “Đây là giống Tiểu hồ điệp, nghĩa là bươm bướm nhỏ. Em thấy không, trông xa chấp chới như đàn bướm cái màu vàng”. Cô chìa hai bàn tay với những ngón búp măng hứng sương. Tôi cau mày: “Này, đừng nghịch”. Cô bé cứ đùa với những bụi nước, chẳng để ý lời tôi. “Anh cứ tưới đi, em cũng là Lan”. Tôi cáu, xịt cho nước rơi ướt cả tóc, cả áo cô bé. Mấy cô bạn cười rúc rích, khi về có cô còn nói vọng lại “Con Lan hên quá, gặp chú tiểu vừa đẹp trai, vừa quậy”. Tôi tủm tỉm cười. Sư huynh tôi cáu kỉnh: “Mấy con Thị Mầu đời nay quá quắt lắm. Bây không biết quyến rũ sư tăng là tội đọa địa ngục hử?”. Tôi cự: “Người ta chỉ đùa thế, có gì mà gọi là quyến rũ”.

Từ đó, vài ba hôm một lần, Lan lại đến gúp tôi tưới hoa. Tôi dạy cho cô biết về phong lan, đấy là cả một thế giới còn đa dạng hơn thế giới người. Phượng Vĩ đỏ rực, Tuyết Điểm thì trắng, Vũ Nữ thì như đang múa trước gió. Lan phụng phịu: “Hoa nào cũng có tên riêng, chỉ em không có”. Tôi nhìn khuôn mặt cô, đôi mắt trong trẻo với cái miệng cười hồn nhiên như trẻ thơ. “Vậy tôi đặt cho cô một cái tên. Tên cô là Tinh Khôi”.

Thầy biết tình thân giữa tôi và Lan. Sư huynh không vui lòng, thầy chỉ bảo: “Không can gì”. “Bạch thầy, người này có bạn thì người kia có bạn, rồi con gái kéo đến đầy thảo am, còn cái thể thống gì nữa?”. Thầy gật đầu. Chiều lại, tôi mài mực hầu thầy, thầy đem cho tôi xem bộ tranh mười bức vẽ mục đồng chăn trâu. “Đây là thập mục ngưu đồ, cũng là quá trình tu học của một con người. Trâu không là trâu, mà chính là cái tâm ta đó”. Tôi động lòng, hỏi: “Bạch thầy, con xem bức vẽ cuối cùng, không còn trâu chẳng còn người, chỉ còn trăng soi. Vậy cớ gì phải sống trong dây trói. Ngày xưa Tuệ Trung Thượng Sĩ là bậc ngộ đạo mà không kiêng rượu thịt, vì chay mặn chỉ là hình tướng bên ngoài, không can hệ đến sự giác ngộ bên trong”. Thầy cười: “Đúng con ạ, với bậc đắc đạo là thế. Nhưng khi ta còn là một người phàm, thì cũng như con trâu kia, phải có sợi dây buộc, có người chăn dắt. Đến khi cái tâm vững rồi, sáng rồi mới có thể như trâu đen thành trâu trắng, không ràng không buộc, chẳng những nhởn nhơ trên cỏ xanh mà còn bay lên đến chín tầng mây”. Tôi vái thầy mà thưa: “Con hiểu rồi, nhưng nhà chùa chẳng thể xua đuổi ai. Từ mai con xin thôi không giữ vườn lan nữa”.

Mấy hôm sau, Lan thấy sư huynh ra tưới vườn, còn tôi thì chẻ củi. “Anh không thích phong lan nữa sao?’. “Không. Muôn hồng nghìn tía, chẳng qua cũng chỉ để nhìn trong chốc lát. Một đời tôi chỉ riêng nhớ hoa hoàng lan”. Tôi giảng cho cô bé biết hoa hoàng lan cánh mảnh mai, vàng như màu chim hoàng yến. Thuở trước, cứ sắp rằm, mồng một, các bà hàng hoa lại đến mua, họ gói hoa trong lá chuối, từng gói nhỏ xinh xinh tỏa thơm ngây ngất. Lan bảo: “Thích ghê, em chưa thấy bao giờ”. Ừ, loài cây ấy có lẽ giờ đây đã tiệt giống rồi hay sao, nhiều lần theo sư huynh đi chợ mua bô chuối, tôi để ý tìm mà không thấy nữa. Tôi lớn lên lòng bang khuâng như thiếu vắng một thứ gì, cứ mơ hồ nhớ nhớ thương thương…

Cuối năm, anh em tôi kẻ kéo người đẩy, chở phong lan xuống phố đổi gạo. Ông chủ tịch hội hoa cảnh hài lòng lắm khi thấy những giò mũm mĩm với chồi xanh đầy nụ. Ba bao gạo lớn được bưng ra. “Cha ơi, con có làm một ít bánh trái cây để cúng dường”. Tôi nghe tiếng, quay lại, sững người vì thấy Lan. Ông chỉ tịch âu yếm bảo con: “Cúng dường thì phải cung kính. Con phải tự lên chùa lạy Phật mà dâng”. Tôi hãi hồn, vội nói: “Thôi thôi, khỏi phiền nữ thí chủ. Nhận ngay ở đây”. Lan bật cười, lại cái cười tinh khôi. Rồi Lan nhìn tôi buồn thiu: “Sao lâu nay anh không ra vườn? Em lên chùa, biết anh trong bếp mà mấy chú không cho vào. Riết rồi em buồn không muốn đến nữa”.

Mấy buổi sau, tôi theo các bạn cùng lớp vào quán. Lan ngồi ở đó, sau chiếc bàn con bên cửa sổ. Các bạn tôi ai cũng nhìn về phía Lan còn cô bé chẳng nhìn ai, cứ lặng lẽ một mình. Ngồi ở một bàn xa mà tôi như thấy cả bầu trời hoàng hôn tím, tím ngắt ngoài kia đang in trong đôi mắt Lan. Mãi đến khi chúng tôi ra về, Lan mới ngoái nhìn, ánh mắt thơ ngây mà não nùng. Bỗng dưng tôi đỏ mặt, rồi tôi thấy hoảng sợ vì mình đã đỏ mặt…

Một người con gái chiều nào cũng ngồi ở quán Tím, chẳng bao lâu đã thành đề tài để bọn con trai bàn tán.

“Con Lan sữa tươi trông xinh vậy chứ nó mắc bệnh, bệnh sợ đàn ông. Đếch thằng nào đến gần được, nó tránh như tránh tà”. “Không phải đâu, nó giữ giá để chờ lấy Việt kiều, thằng Hùng ở Cali về ngày nào cũng trực ở nhà nó”. “Giữ giá cái gì, nó ưa thằng Quắn chạy bàn ở cà phê Tím. Tao thấy nó ngồi một bàn với thằng Quắn, khóc rưng rức”. Tôi im lặng, một lát sau mới bảo: “Khó tin”. “Ở đời chuyện gì mà chẳng có thể xảy ra – Bạn tôi nói, vẻ ông cụ non – chiều qua chính mắt tao thấy nó chạy ra sau quầy đưa bức thư cho thằng Quắn”.

Đạp xe về đã đến quá lăng Tự Đức, tự nhiên tôi bứt rứt không chịu được. Tôi quay xe, đạp về nhà Lan. Mưa phùn lướt thướt trên con đường về Bao Vinh xa tắp. Mẹ Lan hỏi: “Nhà chùa có việc gì mà nhắn cháu lên? Thấy Quắn về nhắn, tôi cho cháu đi ngay rồi”. Tôi tái mặt, không kịp chào, đạp xe đi như tên bắn. Tim tôi dội thình thịch vì âm vang những lời của sư huynh khi Lan mới lên thảo am lần đầu: “Cô gái này đẹp đẽ thanh tú nhưng đuôi mắt dài quá, môi mỏng, cổ cao, tai nhỏ. Đấy là tướng hồng nhan mệnh yểu”… Trời chập choạng tối, tới Nam Giao. Nhìn dáo dác hai bên đường, tình cờ thấy Quắn và Lan cùng ngồi trong quán ốc. Quắn gọi rượu, đang ép Lan uống. Lan lắc đầu, Quắn cố nài. Tôi đi vào, đấm mạnh vào mũi Quắn: “Đồ lừa đảo. Từ nay chừa cái thói dỗ gái đi”. Quay sang Lan, tôi nạt: “Đi về!”. Không biết Lan có bị một thứ thuốc mê gì không, mặt ngây ngây như bị bỏ bùa. Tôi chở Lan đi. Quắn biết tôi có võ Thiếu Lâm nên đành chịu phép, hậm hực chùi máu mũi nhìn theo, cái nhìn của con thú mất mồi…

Trên đường về, Lan tỉnh lại, gục mặt vào lưng tôi, khóc: “Em nhờ Quắn chuyển đến anh nhiều thư, anh có nhận được không?”. Tôi cau mặt: “Em khờ lắm, sao lại đi với thằng Quắn?”. “Quắn bảo em uống vài chén cho ấm rồi lên đàn Nam Giao chờ Minh đến”. “Em đừng quên, tên em là Tinh Khôi. Đừng dại dột để bọn lưu manh làm cho nhơ bẩn”. Nước mắt Lan chảy thấm qua chiếc áo lam của tôi, thấm vào đến da thịt. Dừng xe, tôi ngồi xuống vệ cỏ bên đường. Lan ngồi bên tôi. “Đêm nào cũng nằm mơ thấy anh dắt em đi thăm vườn phong lan. Mình về trồng lan trong sân nhà em đi, có thích hơn không?”. Tôi không trả lời, ngắt những ngọn cỏ, vò nát trong đôi tay run run. Trên kia, trăng sáng quá, tròn và rực rỡ như chiếc mâm vàng giữa trời. Bỗng nhiên lòng tôi miên man nhớ những câu chuyện cha tôi vẫn kể ngày xưa… “Em có thích nghe chuyện cổ tích không?”. “Thích”. Tôi kể cho Lan nghe chuyện người tử tù đội chiếc mâm vàng đầy nước đi từ cổng hoàng cung vào đến trước ngai vua mà không sánh ra ngoài một giọt. Lan nghi ngờ: “Sao có người làm được như thế?” Tôi gật đầu: “Ngày ấy, nhà vua cũng đã hỏi như vậy. Vị thiền sư trả lời: “Bệ hạ đã hứa nếu y làm được thì sẽ tha tội chết. Vì lẽ sống chết của y, nên dù việc khó vô cùng mà y vẫn chăm chăm làm bằng được. Nay nếu bệ hạ cầu giải thoát cũng như người này cầu sống, thì việc tu hành dù khó mấy cũng có thể vượt qua”. Lan ngước nhìn tôi, lần đầu tiên tôi nhận ra trong hai cái giếng êm như nhung của mắt cô bé những tia sáng ương ngạnh lạ lùng. “Em hiểu rồi. Anh xem chuyện tu hành là chuyện sinh tử của anh. Vậy nếu em lại xem anh là chuyện sinh tử của em thì sao? Anh và em, ai đi trọn đường, ai bỏ cuộc?”. Tôi bảo: “Em nói gì thế? Chuyện sống chết mà nghe cứ như là trò chơi sấp ngửa của trẻ con”. Lan cười… Bàn tay nhỏ nắm lấy tay tôi, ngón thon vuôn vuốt như cánh hoa ngậm sữa. Vẻ đẹp này có phải phù du? Vẻ đẹp này là sắc hay là không? Chỉ thấy ngợp vì trăng. Trăng sáng quá. “Thôi, về đi em”. Tôi đạp xe, trước mặt tôi chập chờn lấp lóa những con đường. Những mê lộ giữa đạo và đời, giữa ma và Phật…

Việc lộn xộn ở quán ốc chẳng mấy ngày đã đồn đến chùa. Cô tôi biết, tốc lên ngay. Tôi bảo: “Cô đừng lo. Chẳng có chuyện gì đâu”. “Không có lửa, sao có khói. Ăn ốc, đánh lộn, giành gái. Thế còn gì là tu hành? Tau mà gặp con ma nữ đó, tau tước từ dưới tước lên”. Tôi ngẩn người một lúc rồi hiểu ra, không nín được cười. Cô bực tức: “Cháu tưởng chuyện gì cũng cười là xong sao?”.

Quả là chuyện không thể cười mà xong. Mấy hôm sau, gia đình Lan mời tôi về.

“Con ma nữ” đã uống hai mươi viên Ceducen, may sao nhà biết được chở đi cấp cứu. Mẹ Lan chắp tay lạy tôi như lạy Bồ Tát: “Bác biết tính con Lan lắm, từ nhỏ nó đã nói là làm, đã làm là làm tới cùng. Sợ e cứu thoát lần này, nó lại tự sát lần nữa. Con cứu nó cho bác đi con”. Tôi cuống quýt: “Bác bảo con làm sao được?”, “Con cứ giả vờ ừ đi, bây giờ nó mới lớn, tính còn ngông cuồng, vài ba năm nữa chững chạc rồi tự nhiên nó hiểu ra”. Ông chủ tịch hội hoa cảnh mắt đỏ au, nhìn tôi chờ đợi một lúc rồi bảo vợ: “Nói như bà cũng khó. Chú Minh đây tướng mạo khôi ngô, trước sau rồi sẽ có phước được che lọng vàng. Lẽ nào vì con mình mà để người ta mang tai mang tiếng”. Tôi thở dài: “Cháu đi tu không phải là mong lọng vàng che đầu. Chỉ vì nguyện giữ thân trong sạch để tụng cho mẹ cháu một nghìn lần kinh Thủy Sám”. Nhớ tới mẹ, tôi bất giác đau đớn trong lòng, đứng dậy đi…

Tôi về chùa, từ ấy không đi đâu. Thầy hỏi: “Sao con bỏ học?” Tôi nói: “Suối ở xa, con muối ra triền núi đào giếng”. Tôi tự đày mình trong những nhát cuốc trên sỏi đá, đêm về tụng kinh, vẫn đôi khi chợt nghe tiếng mình khắc khoải. Có lúc nửa đêm chợt tỉnh, thấy thầy ngồi bên giường, lâm râm niệm chú. Tôi hốt hoảng vùng dậy: “Bạch thầy?”. Thầy tôi bảo: “Con giật mình, nói mệ luôn, hất tung cả chăn”. Tôi nói: “Con tỉnh rồi. Rước thầy đi nghỉ, con xin ra bệ Phật niệm Cầu An”. Thầy lặng lẽ một lúc rồi bảo tôi: “Tâm không an, có cầu cũng vô ích”. Tôi gật đầu thú nhận. Bao nhiêu đêm, cứ chợp mắt là thấy Lan hiện ra, mảnh dẻ, thanh thoát, đầu đội chiếc mâm vàng sóng sánh đi thẳng đến bờ vực. Tôi nghe tiếng thét của nàng vang động cả giấc mơ, nàng nhào xuống rơi thẳng vào không gian mênh mông như chiếc lá lìa cành trước gió. “Thầy ơi, nếu vào Niết bàn mà phải đạp lên một chiếc lá, Phật có làm không? Xin Thầy cho con hay, trời đất nặng hơn hay chiếc lá nặng hơn?”. Thầy nhìn vào mắt tôi: “Chỉ có con tự trả lời con được thôi. Ngày mai con hãy về, cứ nhìn thẳng vào nghiệp duyên mà tự quyết lòng mình”. Tôi lắc đầu: “Thầy quên sao? Con đã thề khi nào đào xong giếng mới xuống núi”.

Ra xuân, đường lên núi khô ráo. Hai tay tôi ướt bùn đỏ, những giọt nước đầu tiên đã ứa ra từ lòng đất sâu. Tôi chạy về chùa, định vào trình thầy nhưng người đang làm lễ. Có người thí chủ dâng hương trong bệ Phật, mùi trầm mới thơm thơm trong không gian.

Đang dội nước rửa tay, tôi nghe có người bước đến. “Chú Minh!”.

Tôi ngẩng lên. Mẹ của Lan. “Bác lên chùa cầu cho em đi bình an. Có cái này, em nó gửi lại…”. Bà đưa cho tôi một cái túi nhỏ, rồi vừa quay đi vừa đưa khăn lau mắt.

Những dòng chữ trong thư, mảnh mai và run run như những cánh lan.

“Bốn trăm ngày chờ anh ở quán Tím, cuối cùng em cũng hiểu ra là mình thua cuộc. Đã đi mà chẳng tới, lẽ ra thì phải chết. Nhưng em chết thì anh làm sao yên lòng đi trọn con đường tu. Vì vậy, em đã quyết định lấy chồng xa xứ. Trong cái túi này là cây hoàng lan con, em nguyện tìm cho anh bằng được rồi mới ra đi. Em vẫn nhớ lời anh nói, một đời anh chỉ thích hoàng lan…

Người ta cứ bảo là em khôn, lấy ông Việt kiều đi Tây đi Mỹ cho sướng chứ theo chi chú tiểu trọc đầu. Nhưng đi Tây đi Mỹ không phải là chí nguyện của em. Lấy một người mình không thương, đến một nơi xa lạ thì với em còn khô hơn là chết. Xin anh hãy tụng cho em một lần kinh siêu thoát, một lần thôi…”.

Bất giác, tôi òa khóc. Nước mắt theo nhau lăn trên má tôi như ép cho hết những dòng tục lụy cuối cùng. “Cứ khóc đi con” – Thầy vỗ về khi thấy tôi luống cuống che mặt – “Thầy chưa nghe nói gỗ đá thành Phật bao giờ”. Tôi nức nở: “Bạch thầy, thầy có cho con trồng cây Hoàng Lan không?”.

Thầy bảo: “Cỏ cây vô tội, sao mình không thể bao dung?”. Rồi một tay dắt tôi, một tay cầm túi cây đến bên góc vườn, thầy tự mình trồng xuống.

Tôi tưới cây bằng nước giếng chùa. Hoàng lan lớn lên, năm này qua năm khác, nở hoa vàng mong manh. Mong manh như tất cả những gì đẹp trên thế gian.

Tôi cầm lòng thôi thương, thôi nhớ.

## Trăng nơi đáy giếng

"Tôi xin mình, mình dẹp giùm tôi mấy cái bàn thờ này đi. Chuyện mê tín dị đoan, đâu hay ho gì".  
  
Giọng thầy Phương vẫn từ tốn như thường lệ, nhưng đôi bàn tay liên tục gõ xuống bàn chứng tỏ tâm trạng thầy đang bức xúc. Cô Hạnh chỉ lặng lẽ nhìn: người đàn ông này đã là người cô thương yêu, tôn thờ cho đến nửa đời người. Trước đây, mỗi cái nhìn của ông là mệnh lệnh đối với cô, vậy mà nay cô phải trái ý ông. Ý nghĩ đó làm cô rơm rớm nước mắt.  
  
Hơn mười mấy năm, họ đã sống chung nơi căn hộ bé nhỏ này. Mỗi sáng, người trong xóm đều thấy cô Hạnh xách tô ra đầu ngõ mua bún cho chồng. Những hôm mưa lâm thâm, cái dáng gầy của cô co ro, tay cô cầm chiếc nón cố che cho kín tô bún, chứ chẳng nhớ che đầu. Thầy Phương người nho nhã, mảnh mai, trắng trẻo. Vốn là con nhà dõng dõi, lại được cưng từ nhỏ nên thầy kén ăn, phải chăm từng li từng tí.  
  
Nói là kén ăn, không phải là thầy đòi hỏi cao lương mỹ vị, mà chỉ cần những thứ đơn giản thôi, nhưng phải biết ý mới chiều được. Bữa ăn không cần thịt cá, đôi khi chỉ cần đĩa bông bí chấm nước tôm kho đánh, nhưng nước tôm phải thật sánh, thật thơm, đỏ rực. Thịt bò thì nhất định phải nấu canh với hoa thiên lý, tô canh dìu dịu mùi hương ngọt ngào. Đêm khuya ngồi đọc sách, chỉ cần ăn củ khoai bồi dưỡng, nhưng khoai phải ngọt, dẻo, hấp với lá dứa. Chiều thì vài lóng mía tiện thật sạch sẽ, ửng màu đỏ cầm rượu.  
  
Căn nhà nhỏ không có đồ đạc gì xa hoa, nhưng sạch như lau như li. Tính thầy Phương rất sợ bẩn. Trong bếp, phòng tắm, những cái chậu đủ màu được cô Hạnh đặt đúng vị trí của chúng, tất cả đều khô ráo, sạch sẽ. Cái chậu rửa mặt ấy còn tinh tươm quá, này coi chứ chứ... chậm con là vì quá sạch đấy" - các bà hàng xóm đùa. Trong khu tập thể này, các bà đều là cán bộ, việc cơ quan, việc nhà cứ ùn lên, ai cũng bết bát, chẳng có thời giờ nào mà chiều chồng. Các ông chồng trong xóm nào là chẻ củi, đi chợ, đón con, chẳng từ một việc gì, chỉ riêng thầy Phương được hưởng ngoại lệ. Thực ra, đâu có phải vì thế mà hơn mười năm không có con. Cô Hạnh thừa biết điều đó nên nghe người ta đùa, cô chỉ cười...  
  
Ở đầu ngõ, ngay cổng vào khu tập thể là nhà bà Thu, thư ký Công đoàn trường Thuận Đạt. Ngày ấy, bà Thu hội ý xong với Ban chấp hành Công đoàn trường và quyết định đến thăm chính thức cô Hạnh. Vì lý do tế nhị của cuộc thăm viếng, bà đã cẩn thận chờ cho đến lúc thầy Phương đạp xe ra khỏi, bà mới vào. Bà tìm cách nói với cô Hạnh: "Cô Hạnh này, người ta đồn anh Phương có vợ nhỏ, Công đoàn và Đảng uỷ đã tiến hành kiểm tra, thật đáng tiếc, việc này hoàn toàn chính xác". Cô Hạnh nghe, ngồi nhìn thẳng vào mắt bà Thu, không tỏ vẻ ngạc nhiên. Trái lại, bà Thu kinh ngạc đến hụt hẫng trước vẻ bình thản của người vợ bất hạnh: bà cứ tưởng cô Hạnh sẽ ngất đi, hoặc ít ra cũng níu lấy bà mà hỏi vặn đủ điều. Nhưng không, cô cứ lặng lẽ, dịu dàng, dường như cố nén nỗi khó chịu vì bị quấy rầy!  
  
Chờ mãi không nghe nói gì, bà Thu phát cáu: Chuyện đến thế, chị tính sao? Chị phải có thái độ đi chứ? Hay chị là Phật đất? Cô Hạnh thở dài: Hoàn cảnh em không có con, dù anh ấy có thế, em cũng chẳng oán trách. - Nói thế nghĩa là chị biết anh ấy phản bội chị mà cố tình giấu giếm tổ chức? Anh ấy không phản bội tôi - cô Hạnh ngẩng phắt lên. Vâng, dù rằng ông Phương đã có một người đàn bà khác, có một đứa con không do cô sinh ra, ông vẫn là vị Thánh sống đối với cô. Cô không cho phép ai nặng lời khi nói về ông ấy. Bởi tất cả những chuyện này là do cô: cô đã tự tay sắp đặt, chỉ vì không chịu nổi vẻ buồn thầm lặng trên khuôn mặt ông.   
  
"Không phải dễ dàng mà thuyết phục được anh ấy - Bởi vì anh ấy quá thương tôi. Hơn nữa, là người có chức trách, anh không dám. Tôi phải năn nỉ, ép uổng, hứa giữ bí mật cho anh ấy..." Bà Thu cau mày: "Sao chị lại làm thế? Chị có biết như vậy là phong kiến cổ hủ không? Chính chị đã đẩy anh ấy vào con đường hủ hoá!"  
  
Cô Hạnh khóc. "Vâng. Có thể là như vậy, nhưng lúc ấy tôi không nghĩ gì hết. Tôi chỉ muốn anh ấy sung sướng". Vâng, khi người ta thực lòng thương yêu nhau, có điều gì mà không thể hy sinh. Một cô gái quê bỗng chốc được cô Hạnh chăm lo từng li từng tí: từng chục trứng gà, từng chai mật ong được chuyển về làng để tẩm bổ cái thai mới thành hình. Rồi đến ngày cô được đền bù: Đứa con trai ra đời, cô Hạnh bế lấy nó, đỏ hỏn trong lớp tã. Ông Phương quàng vai cô, vỗ về: Con của em đó. Nghe chồng nói, cô ứa nước mắt vì sung sướng...  
  
Nhưng giờ đây, ngồi trước mặt bà Thu, cô mới thấy chuyện đời không đơn giản. Sắp đến kỳ bầu tín nhiệm hiệu trưởng rồi... Ông Phương bảo: Chức hiệu trưởng là cái gì... Bỏ, bỏ hết. Với tôi, chỉ cần mình vui lòng. Tôi chấp nhận mất tất cả.  
  
Ông nói thế, nhưng rồi không giấu được vẻ buồn. Lại cái vẻ buồn trầm lặng làm xót lòng cô. Cả đời ông sống nghiêm nghị, không để ai nói tiếng nặng tiếng nhẹ bao giờ. Giờ đây, tưởng tượng tới khuôn mặt những người lâu nay vẫn đố kị với ông... Họ sẽ hả hê biết bao trước cái tội lỗi rành rành của vị Thủ tướng đáng kính. Họ sẽ rung đùi, cười khẩy chờ ông đứng lên nhận tội... Để rồi khoái trá xúm lại tổ khổ ông, như bầy sói túm lại xé con mồi...  
  
Quả thật, cái tin "ông Phương hai vợ" vừa được tung ra, đã có vài ba người rắp ranh ngắm nghé cái ghế ông đang ngồi. Cuộc bầu tín nhiệm được tổ chức vào đầu tháng 3, được dự kiến như là ngày chôn vùi luôn sự nghiệp của ông hiệu trưởng nổi tiếng quản lý giỏi, đã đưa trường Thuận Đạt thành một trường tiên tiến dẫn đầu tỉnh trong hơn năm năm. Người ta chờ ông Phương đứng dậy rút lui và tự kiểm điểm, nhưng sao lâu quá chẳng thấy động tĩnh gì... Sốt ruột quá, một vị đứng dậy cắt ngang lời ông Phương khi ông còn đang trình bày "chương trình hoạt động" mà ông dự kiến sẽ thực hành trong thời gian tới.  
  
Chuyện năng lực của anh Phương thì còn gì phải bàn nữa, dài dòng làm chi mất thời gian. Chỉ có điều, dư luận đang râm ran chuyện gia đình anh, anh em tui rất hoang mang. Vì, lãnh đạo thì không chỉ có tài mà phải có đức...  
  
Ông Phương không nói, chỉ lặng yên bình thản nhìn kẻ địch thủ đang hân hoan, đắc thắng, rồi lại bình thản nhìn cái vẻ hân hoan, đắc thắng đó xẹp xuống, nhăn nhúm lại như một quả bóng xì xuống thất vọng. Bởi vì cô Hạnh đã đứng dậy đưa ra trước Hội đồng tờ giấy chứng nhận ly hôn giữa cô và ông Phương cùng tờ giấy đăng ký kết hôn giữa ông Phương với vợ mới. Lúc đó cả hội trường mới biết rằng, trên pháp luật, ông Phương chẳng có lỗi gì... Nghĩa là cái chức hiệu trưởng của ông, lấy búa tạ mà nện cũng không thể nào rung rinh nổi.  
  
Không rung rinh nổi, nhưng người ta vẫn cứ tìm cách nện. Lòng người đầy ham muốn, đâu có buông tha cho ông Phương qua cửa ải một cách dễ dàng như thế. Vì vậy, trọn năm sau, ông Phương quả là lao tâm khổ tứ, ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.  
  
Lại một lần nữa, bà Thu phải đến thăm riêng cô Hạnh. "Khổ thân chị, tôi tìm mọi cách trấn an dư luận để bảo vệ chị, nhưng mà người ta không thể thông cảm như tôi. Nói chị đừng buồn, hoàn cảnh chị rất gay. Chị đã phạm pháp mà không biết: sống chung như vợ chồng với chồng của người khác!  
  
Cô Hạnh sững sờ. Giờ đây ông Phương có còn là chồng của cô nữa đâu? Cô nhìn thằng bé đang thiêm thiếp ngủ trong tay run rẩy. Cô biết, người ta đang lôi tuột ông ra khỏi tay cô. Cô sẽ phải xa ông, bất giác, cô ôm chặt lấy cu Nhứt, như cố níu giữ cái phiên bản của người đàn ông mà cô tôn thờ...  
  
\*\*\*  
  
Lại một lần nữa, tôi phải năn nỉ anh. Tôi không đành lòng thấy anh cứ gầy rộc đi, mắt hõm, râu mọc xanh cả cằm. "Quân tử ứ hự đã đau, Tiểu nhân dùi đục đập đầu như không". Anh vẫn thường nói thế. Con người anh tinh tế, tự trọng, chịu sao nổi bao nhiêu lời ong tiếng ve. Đành lòng dốc hết tiền của góp trong người mười mấy năm mua một căn nhà ở ngoại ô cho anh ấy đưa cô Thắm lên. Lúc ấy, Thắm lại đang có thai. Thương tôi, anh ấy không chịu rời đi, tôi phải cắn răng làm mặt giận, cấm lửa nhịn đói suốt mấy ngày...  
  
Anh đi rồi, căn nhà trống đến khủng khiếp. Đi làm về, tiếng mở cửa tiếng bước chân tôi cứ vang lên lạnh lẽo như từ thế giới nào. Vào đến gian bếp, nhìn thấy chiếc may ô của anh còn sót lại trên dây phơi, tôi sụp xuống, nức nở khóc...  
  
Thỉnh thoảng anh cũng về thăm tôi. Nhưng anh về một chút rồi lại đi. Tôi không dám trách. Sắp đến đại hội chi bộ, phải giữ gìn. Anh có muốn nấn ná tôi cũng giục anh đi cho được. Anh bảo: "Mình đừng buồn. Tôi nói với mình đinh ninh từ khi chưa ly hôn. Nay cũng thế, tôi ở bên ấy nhưng thực ra chỉ có mình mới là vợ của tôi". Tôi nghe, chỉ biết khóc. Vợ chồng mà gặp nhau lén lút như thế này, cái số tôi sao mà trớ trêu? Có hôm bị bệnh nằm một mình không dám nhắn chồng, tôi đành nhắn người mời bà đồng Thơi đến chích lễ giải cảm. Bà Thơi vừa nặn máu cho tôi vừa bảo: "Khí đen tụ ở giữa hai chân mày. Cái uất nén trong lòng mà thành bệnh". Tôi lắc đầu: "Tôi không uất, không phiền. Chỉ vì mệt mỏi quá". Cô Thơi sửa lại áo khăn thắp nén hương giữa trời. Hôm ấy rằm, trăng sáng. Cô Thơi niệm khấn rồi cầm chén nước trong bảo tôi uống. "Để tôi xin cho chị một quẻ Thánh". Cô Thơi xủ quẻ rồi nói: "Quẻ của chị là quẻ lộng giả thành chân. Đêm trăng nơi đáy giếng, thấy bóng chẳng thấy hình. Cứ theo quẻ này giả hoá thực, thực hoá giả, giả thực thực giả khó lường". Tôi cũng không tin mấy, chỉ cảm thấy dễ chịu vì có người quan tâm. "Việc gì thực hay giả, mà giả thực liên quan gì đến bệnh cảm của tôi?". Cô Thơi nghiêng đầu như làm duyên, cặp môi son hé cười: "Lời Thánh sâu xa, nhiều khi đến việc mới hiểu".  
  
Đại hội Chi bộ đã qua, anh lại được tín nhiệm cao. Tôi mừng. Tôi nhắn Thắm chăm sóc anh cho chu đáo. Không có ai khó chăm như anh. Cái gì cũng phải sạch, phải tinh tươm. Áo quần gấp xong nhớ đặt vào tủ, ngay ngắn, bộ nào sắp mặc thì đặt cuối giường chứ đừng đặt đầu giường. Chỗ anh ấy ngồi viết thì phải tinh tấn, ngăn nắp, đừng qua lại nhiều làm phiền anh. Tôi dặn gì, Thắm cũng nhất nhất vâng dạ. Thấy Thắm ngoan, tôi mừng.  
  
Tết đến, tôi lo mua nếp gói bánh. Năm nay nhà đông phải gói nhiều. Đang loay hoay tìm mua lá dong, chợt nghe nói bà Thu sắp có dịp về quê, tôi lật đật sang nhờ bà ấy mua giúp. Vào đến cửa, tôi chững lại khi nghe tiếng anh Phương, rồi tiếng Thắm. Một giỏ quà, ý chừng đồ đi tết, đang nằm trên ghế. Bà Thu cười: Không có tôi thì anh chị còn mỗi người một nơi đến bao giờ? Nhưng mà nói vậy chứ không nhận quà này nhé. Bày vẽ làm gì, cái tình với nhau là chính". "Ấy, chút quà xin chị nhận cho, của thảo lòng thành". Tôi rụng rời, không nhận ra được giọng cô gái quê thơ ngây chất phác sáu năm về trước... Bà Thu ngọt ngào: "Cái cô Thắm này khéo thật, chả trách bà Hạnh cất công tìm tòi chọn lựa mãi". Tiếng Thắm cười: "Chị ấy tưởng thế thôi chứ thực ra trước khi bà thím giới thiệu với chị thì anh Phương đã gặp em mấy lần khi về quê ăn giỗ". "Quả là chồng khéo vợ khéo, trách gì chẳng thành đôi". Họ cười, tiếng cười vui vẻ râm ran trong đêm yên ả...  
  
Tôi rút lui, suýt ngã khi xuống thềm. Rồi cứ đi trong đêm như người ngây, mãi đến lúc bước vào một ngôi nhà, ngửi thấy mùi nhang trong không gian, và nhận ra mình không hiểu từ lúc nào đã đến nhà cô đồng Thơi. Tôi ngồi sụp xuống nền nhà mà khóc, nhớ lại lời cô nói với tôi đêm trăng hôm nào. "Nín đi em. Em giỏi nín đi. Rồi cô soi cho, cho thấy hết tiền oan nghiệp chướng". Cô cứ tỉ tê khóc, cô nạt: "Sao lại khóc? Mất gì đâu mà khóc. Cái mất, thực ra đã mất từ lâu rồi. Chừ còn ôm huyễn mộng mà kêu trời như con đười ươi ôm cái ống tre rỗng mà cười một mình giữa núi". Lời cô Thơi làm tôi tỉnh ra. "Tôi sai rồi, còn oán ai. Người ta là vợ chồng, đã có con cái. Còn tôi... tôi chỉ là một vật thừa..." Cô Thơi hứ một tiếng, đỏng đảnh: "Đã thương thì thương cho trót, đã vót thì vót cho tròn. Đã giữ thì giữ riết luôn, đã cho thì cho đứt". Tôi bỗng ngượng ngùng, không khóc được nữa. Ừ, đã cho thì cho đứt luôn, sao tôi đã nói hy sinh mà còn tiếc nuối. Nhưng là người có máu có thịt, làm sao bỗng chốc cắt lìa? Tôi đâu có phải Thánh mà một phút dứt bỏ nửa cuộc đời... Không, không phải nửa cuộc đời, anh là cả cuộc đời tôi...  
  
Tết năm ấy, tôi sốt li bì, suốt ba tuần rụng gần nửa đầu tóc. Chiều mồng ba tết, mở mắt ra, thấy anh Phương và Thắm ngồi trước giường. Tôi thở dài, se sắt. Tôi mong gặp một mình anh, một lần. Để tôi mơ ước được mạnh trở lại, được để dành cho anh cái thau sạch, cái khăn sạch, lựa cho anh củ khoai thật bùi thơm ăn khuya, đọc sách. Nhưng anh không dám đến đây một mình... Tôi ứa nước mắt nhìn hai vợ chồng - vâng, họ mới là hai vợ chồng. "Tôi hiểu cả rồi. Hai người không phải lo cho tôi. Cho thằng cu sang đây với tôi là đủ. Có nó là tôi sống được". Thắm giặt khăn lau mặt cho tôi. Anh Phương không nói gì, cũng chẳng dám tỏ thái độ gì. Tôi cố bình thản che nỗi xót xa. Tôi mất anh rồi, sự thực đã như thế từ lâu mà giờ này tôi mới bẽ bàng nhận ra...  
  
Tháng sau, Thắm sinh con thứ hai, lần này là con gái. Cu Nhứt về ở với tôi, thằng bé bồng theo một con chó con. Căn nhà tưng bừng lên vì tiếng trẻ con cười, tiếng chó gâu ăng ẳng. Tôi như người sống lại. Thằng bé gọi tôi là mẹ Cả. Tiếng gọi thật ngọt ngào. Tôi rất muốn thằng bé gọi tôi chỉ là "Mẹ" thôi. "Như thế thì cu lầm với mẹ hai. Ba bảo cu: Mẹ cả, mẹ hai, hai mẹ đều là mẹ cả, mà!". Tôi bật cười. Cu Nhứt thông minh y như ba nó. Cái mắt sáng, cái da trắng, cái chân mày nét ngang, tất cả đều là của anh. Mặc thằng bé gọi tôi bằng gì đi nữa, nó vẫn là con tôi. Tôi lại trồng khoai, lại nuôi gà, lại để dành từng quả trứng. Thằng bé ăn, tôi thấy ngon. Đêm nó ngủ dụi đầu vào lòng tôi. Tôi đã có con, tạ ơn trời, giờ đây tôi không cần gì hơn nữa...  
  
Lại tháng chạp, tôi đến cô Thơi xin cho cu Nhứt cái bùa đeo cổ để đeo đi chơi tết. Cô Thơi mới tạc pho tượng ông hoàng đứng trên mây, vừa rước lên bàn, thắp nhang xong thì quay ra thấy tôi. Đưa bùa cho tôi xong, cô bấm quẻ dịch rồi bảo: Chiều lòng chị thì rước cho chị, chứ chị xin nhằm giờ không vong, vật tuy có nhưng mà vô dụng.  
  
Tôi băn khoăn về nhà. Ngày xưa, anh Phương thường trách tôi mê xem bói. Anh không biết đó là chỗ dựa tinh thần của những người đàn bà hay bối rối như tôi... Đến cửa, tôi giật mình khi thấy Thắm. Cu Nhứt quấn mẹ đẻ, cười rúc rích. Thắm khẽ khàng thưa gửi:  
  
- Trình chị, em đã cai bú cho bé, nay xin chị cho cu Nhứt về nhà ăn tết với em.  
  
Tôi khựng lại, đau đớn. Một lát sau tôi đeo cái bùa vào cổ cho cu Nhứt:  
  
- Đeo cho em kẻo đi đường gió máy. Mà ăn tết xong mồng mấy mới cho em về?  
  
Thắm không nói gì, chỉ nhìn tôi, một cái nhìn khó hiểu.  
  
Thằng bé đi rồi, còn lại con chó con luẩn quẩn với tôi. Đã một năm, giờ nó đã choai choai, láng mượt. Cu Nhứt dặn: "Mẹ cả nuôi cẩn thận cho cu". Bao nhiêu thứ dành cho thằng bé, giờ xẻ hơn nửa cho nó. Thui thủi vào ra, chỉ có nó và tôi.  
  
Từng ngày, tôi chờ con trở về, càng ngày càng trông càng ngóng. Nhiều hôm, nghe tiếng thằng Tèo nhà bên cạnh gọi: "Mẹ ơi!" giọng trẻ con sao mà giống nhau, tưởng con về, đang làm gì tôi cũng vứt hết chạy ra. Chỉ thấy sân hiên vắng lặng, không một bóng người...  
  
Rằm tháng giêng. Con chó đột nhiên bỏ đi đâu mất. Tôi tìm ngất ngơ quanh xóm chẳng thấy. Lòng cồn cào lại càng nhớ, càng thương cu Nhứt. Góp được một chục trứng gà, tôi lững thững đạp xe đi thăm con. Lâu lắm mới đến nhà mới, tôi ngạc nhiên vì nó lạ hẳn so với cái thời hai vợ chồng đến mua. Cây cỏ mọc xanh trong sân, một mái hiên rộng được cơi thêm ra, thoáng mát. Tôi từ từ bước, phân vân như đi vào một ngôi nhà lạ.  
  
Cu Nhứt đang chơi ở hiên sau. Vừa đùa với quả bóng, thằng bé vừa hát: "Trên trời cao, có muôn ngàn ánh sao... Nhưng mặt trời chỉ có một mà thôi. Và mẹ em chỉ có một trên đời. ..". Thấy tôi, thằng bé reo lên, chạy ùa vào lòng tôi... Nhưng nó bỗng khựng lại, đưa mắt nhìn vào trong, rồi cầm tay, thỏ thẻ: "Mẹ Thắm bảo con, thời này mà còn mẹ cả, mẹ hai, nghe cổ hủ lắm. Vậy con gọi bằng gì?". Tôi ôm cái đầu nhỏ bé vào lòng, chỗ có trái tim phập phồng đau đớn. "Thôi thì... Con hãy gọi bằng bác... Bác tệ quá, hôm qua đã làm mất con chó Cún của con". "Ồ, không mất, bác ơi, nó đây này!". Con cún từ sau vườn chạy tới, nhảy lon ton, vẫy đuôi rối rít. Ôi, cả con chó cũng bỏ tôi tìm về đây mất rồi!  
  
Bàng hoàng, tôi đứng dậy, bước đi. Rỗi bỗng quay lui, tôi dạo một vòng sau nhà, như muốn nhìn tận mắt cái thế giới đang hút về tất cả những gì yêu quý nhất của một đời tôi... Sau sân, anh Phương ngồi bên vòi nước, đang lúi húi giặt một đống quần áo đủ loại, đánh đánh chà chà trên sân xi măng. Chưa bao giờ thấy anh trong tư thế như vậy nên tôi sững sờ, ngẩn cả người không sao nói một lời. Không hiểu sao đã chịu đựng bao nhiêu điều nặng nề, mà giờ đây tôi lại không kham nổi cái cảnh tượng hết sức bình thường thế này? Thắm đang ngồi dỗ con, thấy tôi vào chỉ cười, hất hàm về phía đức ông chồng: "Làm trai, học sẩy học sàng. Đến khi vợ đẻ thì làm mà ăn". Tôi ngẩn ngơ như người mất hồn, lẩn thẩn nói: "Ngày trước ở với tôi, anh ấy chẳng phải động tay tới việc gì. Tôi đi vắng mà trời mưa, anh ấy cũng chỉ lôi giùm tôi cái áo trên dây phơi, chứ cái quần để mặc cũng không hề đụng đến". Thắm khủng khỉnh: "Em thấy chị cũng sạch chứ đâu có bẩn. Mà người quân tử có sợ bẩn thì dùng khoèo mà khoèo, rồi dùng xà phòng mà rửa khoèo cũng được chứ sao? Tôi cảm thấy như có quả đấm giáng vào giữa mặt, lảo đảo, trời đất chung quanh tối sầm. Cố gắng về đến nhà, tôi lăn ra mà khóc, khóc thảm thiết. Láng giềng nghe tiếng hờ trời hờ đất chạy sang hỏi: "Ai chết thế?". Tôi không nói được gì, không nghĩ được gì, trong tâm trí chỉ có mỗi một hình ảnh: thần tượng của tôi, vị thánh sống của tôi ngồi chò hỏ giặt đồ bên bể nước. Những bọt trắng xà phòng bay, bay tấp tới, nhận chìm tôi, tức tưởi, mê man...  
  
Lại một lần nữa, tôi ốm nặng, tóc rụng lả tả trên gối, nhưng không báo với ai để khỏi ai bận lòng.   
  
Đấy là chuyện đời chồng trước của tôi...  
  
\*\*\*  
  
Người trong xóm cứ tưởng cô Hạnh phen này chết vì mấy lần cô bắt chuồn chuồn, cấm khẩu. Họ ngạc nhiên khi thấy cô không thuốc men gì mà lại đi đứng như thường. Cô xin về hưu non, cuốc đất, làm vườn, lại sống cái đời cần cù và đạm bạc như thuở nào. Sáng sáng, họ lại thấy cô mua bún bò, bưng vào ngược con ngõ, những bữa trời mưa lâm thâm cô kéo chiếc nón che tô bún, quên cả che đầu.  
  
Rồi trước hiên nhà lại xuất hiện những cái áo nho nhỏ màu đỏ, màu xanh phơi trên dây. Ai đi ngang hỏi, cô cười hiền lành: Áo thằng cu. May cho cu mặc tết".  
  
Nếu ai tò mò đi theo cô vào căn nhà vắng lặng, có thể thấy ngay giữa nhà là một bàn thờ đồ sộ mà cô gia công trang hoàng như một cung điện rực rỡ vàng son. Giữa bàn thờ là tượng một người đàn ông đẹp đẽ phương phi, tay cầm kiếm, chân đạp lên mấy tầng mây. Có hỏi thì cô thì thầm: "Ông Hoàng Bảy, trấn thủ tỉnh Thừa Thiên".  
  
Rằm, mồng một, cô chất hương hoa đầy thánh điện của cô, rồi ra nhà bà đồng Thơi lễ bái. Nghe đâu bà đồng Thơi bảo rằng số cô Hạnh không theo ông Phương được trọn đời vì người âm ưng, mà người âm này vai vế lớn lắm, con thứ bảy của Đức Mẫu, quyền sinh sát cả một giang sơn. Lâu nay, ông với cô Hạnh đã được một con trai ở cõi vô hình, mà cô Hạnh đâu có hay.  
  
"Nhờ có Thánh cứu, chứ không thì mấy trận đau, hắn đã chết trọc óc chứ mô còn tới chừ". Bà Thơi nói. Cô Hạnh cười, vẫn cái cười dịu dàng, không còn buồn thảm như xưa, mà phảng phất một vẻ mơ màng - vẻ mơ màng thường thấy trên gương mặt những người lãng trí. "Sắp tới tháng Ba rồi, phải không chị? Tháng Ba ni chị cho em đi về chầu điện Hòn Chén". Bà Thơi nghe cô Hạnh nói, hài lòng gật đầu. "Ừ, tháng Bảy giỗ cha, tháng Ba giỗ mẹ. Lễ hội tháng Ba này em cũng nên về chầu Đức Mẫu cho phải đạo dâu con".  
  
Đầu tháng Ba, ông Phương bỗng về thăm vợ cũ. Từ đó, người ta thấy ông qua lại luôn. "Năm lần bảy lượt tôi nói với mình, mình dẹp cái trò mê tín đó đi giùm tôi. Vì cái chuyện đồng bóng lễ bái của mình mà tôi mang tiếng nhiều lắm rồi, dù gì thì mình cũng là vợ cũ của tôi, một hiệu trưởng, một đảng viên...". Cô Hạnh chẳng nói gì, đang lo đặt đĩa khoai luộc nóng hổi lên bàn thờ. Trông dáng vẻ cô ân cần chẳng khác gì trước đây chăm chút cho ông. Cử chỉ đó làm ông Phương thêm bực tức . "Mình muốn trách khéo tôi phải không? Mình biết là đâu phải tôi muốn thế, chính mình đã muốn hy sinh cho tôi... Tôi xin mình, hãy vì tôi lần nữa...".  
  
Cô Hạnh đã đặt xong đĩa muối chấm khoai, thủng thỉnh ngồi xuống, nhìn ông Phương với đôi mắt rộng lượng như thể từ trên cõi tiên nhìn xuống thế giới nhỏ bé của loài người. "Hôm qua ông đã gặp bà Thơi phải không? Thảo nào bà ấy bảo tôi có muốn quay về với ông thì để bà ấy xin cho cái lễ chẻ đôi chiếc đũa đồng tiền, li dị với ông Hoàng...".  
  
"Mình đừng giận tôi, thuở ấy người ta còn khắt khe, mình cũng biết hơn ai hết. Giờ đây quan niệm về đời tư cũng cởi mở hơn trước, thỉnh thoảng tôi lại về thăm mình. Để mình thui thủi thế này tôi cũng chẳng đành lòng".  
  
Cô Hạnh nhìn ông Phương một lát rồi cười. Cái cười mơ màng lâu nay vẫn ẩn hiện trên gương mặt cô. "Ông à, thực ra tôi không giận ông. Nhưng chuyện ông nói thì không thể được. Tôi đã vì ông đến nửa đời người, nay ông yên phận rồi, hãy để cho tôi yên phận tôi. Xưa tôi là vợ mình, chỉ biết có mình, nay đã là vợ ông Hoàng, chỉ biết có ông Hoàng. Tôi đã nói với bà Thơi, tôi không cúng, không chẻ đũa, bẻ tiền chi hết, tôi không bỏ ông Hoàng vì ông ấy đỡ đần tôi khi thập tử nhất sinh, ông ấy không bỏ tôi, không ruồng rẫy tôi bao giờ...".  
  
"Nhưng làm gì có cái gọi là ông Hoàng, làm gì có cái bóng ma ấy, nó chỉ có trong trí tưởng tượng của bà thôi, bà có biết không?". Ông Phương phát thịnh nộ, không tự chủ được nữa, đập mạnh tay xuống bàn mà nói như quát. Cô Hạnh đứng bật dậy, run bần bật như bị xúc phạm nặng nề. Hai hàm răng cô đánh lập cập vào nhau, rồi bỗng cô thình lình vớ lấy cả cái khay ấm chén trước mặt, ném vào người chồng cũ. Đến lúc ấy ông Phương vẫn không nhận ra rằng từ khi bị cô Hạnh bắt gặp ngồi giặt đồ bên bể nước, trong mắt cô, ông chỉ còn là một tượng thần đã mất hết linh thiêng.  
  
Người trong xóm thấy ông Phương phóng xe ra ngược con ngõ, áo và tóc ướt từng vạt nước trà vàng vàng, mặt bừng bừng lửa giận. Hai hôm sau, việc đến tai bà Thu. Bà lắc đầu an ủi: "Chị ấy tốt bụng nhưng lý trí không vững nên tâm nó loạn. Trước đã bày ra chuyện phong kiến cổ hủ, nay lại sinh ra trò mê tín dị đoan. Thôi thì mặc ý chị ấy, tôi cũng hết phép".  
  
Cô Hạnh chẳng quan tâm đến ai, cứ vào ra trong ngôi nhà vắng tanh với nụ cười mãn nguyện của một người đàn bà hạnh phúc. Chiều hôm ấy cô thung dung đi chợ chọn mua vải may chiếc áo dài mới để tháng Ba này ngược sông Hương trảy hội mùa xuân.

## Thị trấn hoa quỳ vàng

Bây giờ, Ng. cũng không nhớ tại sao hai người lại chọn cái thị trấn xơ xác ấy làm nơi gặp gỡ. Mười năm trước họ không biết gì về nó, ngoài địa danh bất chợt nhặt ra từ trí nhớ mông lung, địa danh mơ hồ, gợi lên một vùng đất xa xôi ven biển. Dường như sự lựa chọn ấy cũng có tiền định, vì trong những giấc mơ cản đường thoáng của mình. Ng. luôn luôn thấy người ấy hiện ra trước mắt nàng giữa tiếng sóng gầm dữ dội. Biển. Biển sôi trào, và trái tim nàng cũng sôi lên như biển.   
  
Trong mười năm trời, năm nào họ cũng gặp nhau vào ngày tháng ấy, bên chân sóng ấy. Lần này Ng lại đến, y như trong lần đầu nàng bước xuống xe và ngơ ngác nhìn ánh nắng hoe vàng, lấm tấm bụi. Mỗi năm, thị trấn mỗi khác đi, những ngôi nhà như sinh nở thêm, mái tôn, mái ngói xúm xít quanh bến xe. Mấy chiếc dù hoa sặc sỡ vừa mọc đây đó, như những chấm màu vui vui trên khung cảnh lộn xộn của một vùng nửa thôn quê, nửa phố xá. Chỉ có ngọn gió thổi qua đỉnh rặng phi lao là vẫn thế, đẫm mùi nước mặn, mùi nồng nàn của ngàn khơi.   
  
Ng. gọi một chiếc xe ngựa, người xà ích khẽ lắc đầu, tiếp tục dong cương. Tiếng vó lách cách trên đường một điệp khúc đều đặn buồn. Ng. nhìn theo một lát mới nhớ ra bây giờ xe ngựa chỉ dùng để thồ gạch đá. Tuyến xe lam vừa thành lập đã lấy hết khách đi lại trong thị trấn. Ng. lau mồ hôi trên trán, đặt chiếc túi xách xuống vệ đường. Nàng tiếc nuối cái ý nghĩ sẽ đi ngựa đến nơi hẹn bên kia bờ biển, y hệt như khi nàng đến lần đầu, bao nhiêu năm nay nàng vẫn lặp lại đúng như thế, như thể cử hành một nghi lễ thiêng liêng đã thành truyền thống. Khi đó nàng mặc chiếc áo đẹp nhất của mình, mớ tóc dài bay theo gió, đôi giày păng túp trắng, ngồi một mình sau lưng bác xà ích, tiếng vó ngựa gõ rộn ràng như nhịp tim sôi nổi trẻ thơ. Chiếc xe đi qua những con đường bụi bặm, những con đường toát lên mùi tỉnh lẻ, với những hoa quỳ vàng mọc ngơ ngác từ lùm bụi, ven đường. Ngay lần đầu đến đấy, nàng đã tìm ra một địa danh mới: Thị trấn hoa quỳ vàng. Từ đó mãi mãi nàng chỉ dùng cái tên ấy khi muốn nói về hành tinh nhỏ bé mà hai người đã chọn.   
  
Thị trấn hoa quỳ vàng. Lúc đó, nàng cũng mặc áo vàng, và giờ phút họ gặp nhau bên bờ biển, mặt trời chiếu những tia vàng chói lọi xuống mặt sóng xanh. Người đàn ông muốn giữ Ng. lại trong tay, nhưng nàng né tránh và chạy vòng quanh các gềnh đá. ”Em không mong gặp anh ư?“ Ng. nghe những lời ấy lẫn trong tiếng rì rào của biển, tiếng nói trầm, ấm làm nàng hồi nhớ một tuổi thơ không thường được dỗ dành và chợt rưng rưng nước mắt. Nàng vừa gật đầu vừa dụi mắt vào vai người đàn ông ”Thế tại sao?“ ”Em cũng không hiểu. Dường như những gì em quá đỗi trông chờ, khi hiện đến, đều làm em hoảng sợ“. Nàng thì thầm, và cảm thấy mình run rẩy. Người đàn ông bật cười, tiếng cười nghe rất xa vì bạt đi trong gió. Ngoài những ngọn đèn đánh cá bắt đầu sáng lên, và cả hai người trong phút lơ đãng xuất thần, đều ngỡ rằng những vì sao vừa đột ngột rơi xuống mặt nước. Một đứa bé có khuôn mặt màu đồng hun, tay bưng một rổ đầy cua, dừng lại trước hai người mời mọc. Ng. chọn một con lớn nhất và tháo lại buộc cho nó bò về biển. Ðứa bé tròn mắt nhìn, rồi bỡ ngỡ cười ngây ngô, còn người đàn ông thì hiểu rằng đấy là một tục lệ tôn giáo mà Ng. đem theo từ thành phố cổ xưa nơi nàng ở vào một ngày vui trọng đại, người ta có thói quen chia sẻ niềm hạnh phúc của mình với tạo hoá bằng cách đem lại cho những con vật sống mà tưởng chừng chúng đã mất. Ng. nghịch ngợm xoè bàn tay che trước mặt mình khi khuôn mặt người đàn ông ghé sát gần bên. Nàng thì thầm qua khẽ tay:   
- Nó bắt đầu cuộc sống lần thứ hai, cũng như em hôm nay.   
”Anh cũng vậy“. Người đàn ông nói, dứt khoát kéo hai bàn tay nàng xuống và ngạc nhiên thấy chúng mềm như lá cỏ. Họ hôn nhau lần đầu, hệt như trong giấc mơ. Sóng gầm lên trong bóng tối, và biển cũng rối tung theo gió.   
  
Họ ở lại một lữ quán nhỏ hẹp mang cái tên rực rỡ. Hướng Dương. Cái tên quá đẹp, quá sang trọng so với căn phòng trống trải, chiếc ghế tựa cũ kỹ và ngọn đèn trần đã cháy từ lâu. Nhưng thật kỳ lạ, cả hai người chẳng hề thấy vẻ khập khiễng đó. Khi ấy, họ tràn ngập niềm tin mãnh liệt rằng tình yêu của mình có thể biến mọi xó xỉnh nghèo hèn thành thiên đường trên mặt đất. Chính ở căn phòng đơn sơ còn thoảng chút ẩm mốc đó, lần đầu tiên trong đời họ nhận ra linh hồn cũng như thân thể của mình là một thứ nhạc cụ kỳ lạ, chỉ vang ngân dưới bàn tay sinh ra để dành riêng cho nó. Gió biển thổi lồng lộng qua cửa sổ, tấm drap trải giường được phủ sơ sài bồng bềnh những đợt sóng. Trăng cũng vào theo cửa sổ. Có vị mặn của biển và có vị mặn của da thịt; có cái dịu ngọt của trăng, và nỗi dịu ngọt của vuốt ve. Bắt đầu từ phút đó cả hai không nói một lời nào, đều hiểu mình đã thành hai nửa của một con người duy nhất.   
  
Sau này, năm nào trở lại thị trấn hoa quỳ vàng, họ cũng gặp nhau, nơi lữ quán ấy, căn phòng ấy. Nơi mà họ đã đắm mình trong khúc hát địa đàng, lần đầu tiên và mãi mãi. Suốt năm này qua năm khác, khúc nhạc ấy hoài vang vọng trong ký ức rất riêng của hai người, như một tiếng gọi tỉ tê, lặng lẽ, đau đớn, không ngừng thôi thúc họ đạp lên những vành đai để quay trở lại.   
  
Và bây giờ, Ng. đang đứng một mình trước thị trấn cũ. Cảm giác say sóng làm Ng. váng vất trước ánh sáng lúc sắp trưa. Dù rất mệt, nàng nhất định khước từ chuyến xe lam ồn ĩ và chất chồng quang gánh. Do không thể tìm lại chuyến xe thổ mộ và con ngựa bờm vàng mọi năm. Ng. đã nảy ra ý muốn ngông cuồng là sẽ đi bộ, từng bước, từng bước lặng lẽ đến nơi vùng biển cũ. Nhưng Ng. không đi đến được cuối đường, mặc dù nàng đã thấy hiện ra dưới chân dốc bãi cát dài trắng xoá, với những ghềnh đá đen nhám lỗ chỗ vết hàu. Ðôi chân phù nề chợt nhói lên đau nhức, khiến Ng. phải dừng lại ở một khách sạn trong lòng dãy phố chính của thị trấn.   
  
Khách sạn mới xây, khá tiện nghi, ở đó những người phục vụ đã đem đến cho Ng. nước nóng và muối để ngâm đôi bàn chân sưng phồng dị dạng. Ngồi trong phòng, Ng. nghe tiếng di chuyển bàn ghế, tiếng nhân viên đi lại rộn rịp, tiếng tính toán chi phí vọng lại từ phía hội trường. Hình như ngày mai là ngày chính thức khai trương khách sạn. Hoá ra Ng. là một trong những người khách đầu tiên. Cô bé bồi phòng với đôi mắt ửng đỏ đưa cuốn sổ lưu niệm đến cho Ng. viết cảm tưởng. Ng. mỉm cười ghi và ký tên, không nghĩ ngợi:   
”Tôi đã đến. Tôi ở lại. Và tôi mong muốn được quay trở lại“   
  
Ng. gập cuốn sổ lại, mường tượng nhớ một hôm nào từ lâu lắm rồi, vào một năm nào đó không rõ, khi cùng với người ấy đi dọc theo bãi biển hoàng hôn, nàng đã nghe dân chài nói với nhau về một lời sấm đang lan truyền trong dân gian. Lời sấm tiên báo rằng cái thị trấn nhỏ đáng thương này được thành lập trên một doi cát phù du đang bị xói lở dần dần và chỉ trong thời gian ngắn sẽ hoàn toàn sụp đổ. Ngày hôm ấy ở bến xe, các tiệm phở, các quán ăn người ta xôn xao về điềm báo khủng khiếp ấy. Mặc dù biết rất rõ những lời đồn thường không có gốc rễ, không hiểu sao, tối hôm ấy Ng. cảm thấy bầu trời dường như nặng nề hơn. Khi dừng lại trên ghềnh đá, nàng xiết chặt tay quanh lưng người đàn ông yêu dấu, như thể anh sắp bị cuốn đi cùng với doi đất mỏng manh.   
- Rồi tất cả sẽ sụt lở hết, và mình chẳng bao giờ gặp nhau lần nữa Ng. thì thầm. Gió biển thổi tan tác những âm thanh trên môi nàng run rẩy.   
”Không thể có điều đó. Với anh sẽ chẳng bao giờ có kết thúc cả, cho dù mình sẽ già đi, sẽ không còn nữa“. Người đàn ông trả lời sau khi hôn nàng rất lâu- Anh hiểu câu nói của nàng theo nghĩa khác. Buổi chiều ấy anh cũng chọn một con cua biển và thả cho nó đi theo con của Ng. xuống chân sóng với hy vọng đôi tình nhân sẽ bắt đầu lại cuộc sống, không cô đơn, và sẽ gây dựng nên một vương quốc của loài cua bên dưới những ghềnh đá này.   
  
Ng. duỗi thẳng những ngón chân tê dại trong nước, mỉm cười. Bây giờ có lẽ cả những sinh vật mà họ thả hàng năm xuống biển đang sinh sống nơi miền rong rêu ấy, phía xa kia, chúng đang góp phần chứng minh bãi biển ấy, ghềnh đá ấy là vĩnh viễn. Ðôi chân Ng. như dịu lại trong nước muối mặn. Cách đây ba hôm, rất đột ngột, cơn phù xuất hiện, có lẽ là dấu hiệu của bệnh suy tim hay suy thận gì đấy như nhiều người phỏng đoán. Lẽ ra Ng. nên đi khám và nghỉ ngơi vài hôm. Nhưng ngày ấy đã đến và Ng. không thể không lên đường. Nàng không thể bỏ một cuộc gặp gỡ đã thành điều giao ước thiêng liêng, vào giờ đó, ngày đó; ngày giờ ấy, nơi chốn ấy đã trở thành điền lễ, với sự chứng kiến của lữ quán nghèo nàn và thơ mộng. Trên đường đi, Ng. cảm thấy đôi chân sưng tấy trong đôi giày nhỏ. Nàng can đảm chịu đựng nỗi đau nhức trong hồi ức về chuyến đi đầu tiên mười năm về trước. Mười năm về trước, xe tàu cực kỳ khó khăn như thể hai bến xe nằm ở hai hành tinh khác nhau. Chiếc xe đưa Ng. đi trong khói than mù mịt, tiếng máy nổ ì ạch mệt mề, vượt năm trăm cây số trong vòng hai ngày đêm; trên băng ghế chật chội, Ng. ngồi im lặng, hai chân tụ đầy máu. Hồi ấy Ng. mạnh khoẻ, vô bệnh và suốt hành trình nàng vừa chịu đựng đôi chân đau nhức vừa nhớ lại câu chuyện nàng Maryushka đi tìm người yêu mòn dập hết ba đôi giày sắt. Lần đầu tiên đến vườn địa đàng của mình, trong hạnh phúc nàng không nhớ gì về cơn đau nữa, nhưng lúc nửa đêm về sáng, nàng đã phải nén tiếng rên rỉ để khỏi làm kinh động giấc mộng tuyệt đẹp còn vương vấn đâu đó trên những chăn nệm bồng bềnh gió biển.   
  
Và bây giờ, cũng cơn gió ấy, ngọn gió vĩnh viễn thổi qua đây, lần này lại thổi rối mái tóc Ng. khi nàng ngồi soi lại dung nhan bên cửa sổ. Với hai ngón tay, nàng xoa nhẹ khắp khuôn mặt; lần đầu tiên Ng. nhận ra thứ kem thường ngày hình như đã biến chất, không ăn da như mọi lần. Nàng xoa rất lâu và cuối cùng lại dùng khăn ướt lau sạch tất cả, vì thấy chẳng thà để làn da trần như thế trông lại được mặt hơn. Một chút hồng cam trên môi, một chút xanh trên mi mắt làm khuôn mặt nàng tươi lên và thoáng vẻ trẻ thơ kỳ quặc. Gió, gió và gió, Ng. chải lại mái tóc rối, dùng chiếc khăn mỏng buộc chặt lại, theo cầu thang bước xuống đường. Trời vẫn nắng một thứ nắng hư ảo, chập chờn theo lối mòn dẫn ra bờ biển cũ.   
  
Ng. bước đi, bàn chân nàng vùi sâu vào lòng cát nóng ấm. Nàng ngạc nhiên, hơi bâng khuâng khi thấy hai bên vệ đường vắng bóng những bông quỳ vàng. Từ nơi nào đấy, vẳng lại âm điệu của một bài hát buồn xa xưa. Ði theo tiếng nhạc Ng. tìm đến một quán cà phê ven đường quán cà phê mà mỗi năm nàng đều nhìn thấy từ trên ban công nhỏ bé của lữ quán. Nhưng lần này, không hiểu sao đã đến đây, nàng vẫn không tìm được trong những dãy phố lố nhố đối diện tấm bảng hiệu quen thuộc- Tấm bảng đề hai chữ Hướng Dương với một bông quỳ vàng rất to làm nền- Dấu hiệu thường năm vẫn cho hai người biết cuộc hành trình đã đến, họ đã trở về điểm xuất phát đó để có nhau sau một năm lăn lội trên trần gian. Vào lần gặp gỡ năm ngoái, màu sơn vàng của bông hoa đã phai gần hết và tấm bảng gỗ cũng nứt nẻ. Có thể người ta đã thay đổi nó bằng tấm bảng khác và nhân đó, đổi luôn cả tên để hy vọng thay đổi luôn số phận ế ẩm của lữ quán. Thuở đó đã nhiều lần người đàn ông bảo Ng: ”Anh tin là có định mệnh trong cuộc gặp gỡ tay ba này. Anh, em và Hướng Dương. Em thấy không, nó giống mình một cách kỳ lạ“. Ng. chỉ cười, trong niềm hân hoan say đắm của hạnh ngộ nàng trở nên lơ đãng đến nỗi chẳng hiểu người yêu muốn nói gì. Mãi hôm sau khi ngồi trên chuyến xe rời thị trấn, nàng đắm chìm trong những hồi tưởng dịu ngọt và chợt cảm thấy cũng như cái lữ quán, cuộc đời hai người luôn luôn có hai thực tại, một thực tại mỗi ngày, tầm thường, bất lực, cay đắng va thực tại trong khát vọng, huy hoàng, rực rỡ, không bến bờ. Ng. trực nhận vì sao hai người lại gắn bó với nhau như thế, cả hai đều muốn vươn tới cái gì đó bên ngoài cuộc sống đầy giới hạn này. Tại đây, trong căn phòng ấy, họ đến với nhau, kể cho nhau nghe tất cả những cuộc phiêu lưu trong một năm ròng. Chỉ một đêm thôi họ đã sống cho đủ ba trăm sáu mươi lăm ngày, và chẳng bao giờ dám ở lại lâu hơn, bởi vì cũng như tất cả những kẻ không đầy đủ trên đời, họ cảm nhận hạnh phúc như một thứ bánh thánh chỉ có thể kính cẩn đụng môi đến một lần mỗi kỳ rước lễ.   
  
Bao giờ cũng vậy, buổi sáng người đàn ông dậy sớm, thu xếp hành lý và lặng lẽ ra đi, trong lúc Ng. nằm quay mặt vào vách giả vờ như còn ngủ. Họ đã giao ước với nhau không bao giờ nói lời từ biệt, để suốt năm sau đó vẫn mãi mãi sống cùng nhau trong ký ức. Một đôi lần, không tự chủ được, người đàn ông xoay mặt Ng. lại trong đôi bàn tay để hôn nàng trước khi ra đi, người Ng. nằm yên, bất động mắt nhắm nghiền. Khi tiếng chân đã xa rồi. Ng. mở mắt, những giọt mặn rơi xuống hai bên thái dương nóng hổi, những giọt nước mắt đẫm mùi gió biển. Adam và Eva còn có nhau khi bị đuổi ra khỏi địa đàng, còn Ng. chỉ có một mình khi từ giã căn phòng đầy gió.

° ° °

Bây giờ căn phòng đầy gió ấy ở đâu. Tại sao tôi có thể quên được căn nhà thiết thân dường ấy chỉ vì nó thiếu đi một tấm bảng, một cái tên. Dù sao thì cũng không phải chỉ duy nhất trí nhớ của Ng. Có lỗi. Ðúng là đã có sự thay đổi, từ bao giờ, nàng không biết. Có lẽ sự thay đổi ấy có dần dần từ rất lâu nhưng đến bây giờ Ng. mới thực sự nhận ra. Trong ánh sáng chập chờn- Thứ ánh sáng kỳ lạ có màu của ráng chiều và bọt nước- Ng. rẽ thẳng ra bờ biển. Sóng ào ào xô vào ghềnh đá. Một cô gái dân chài đi ngược lại phía Ng. đầu đôi thúng nặng, đôi má màu nâu hồng. Thân thể thiếu nữ khoẻ mạnh căng tròn làm Ng. không nhận ra đó là đứa bé mọi năm- Mùa đông qua, cô bé gái đã lớn phổng lên đến mức không ngờ. Ðiều an ủi Ng. là cô ta vẫn nhận ra nàng mặc dù ánh mắt thật lạ kỳ, chiếu vào khuôn mặt Ng. soi mói như thể nàng đang mang một vết nhọ trên muĩ. Ng. mỉm cười nhớ lại những con cua biển khi nghe chất giọng địa phương lơ lớ quen thuộc- Giọng nói mà thuở xưa nàng nghe lạ tại đến nỗi tưởng mình đang tiếp xúc với một thứ thổ ngữ xa lạ. Ng. hỏi thăm về lữ quán Hướng Dương và được cô gái cho biết nó không còn nữa. Lữ quán bé nhỏ và nghèo nàn không còn khách tới kể từ khi thị trấn mọc thêm nhiều khách sạn có cửa kính, có bàn ghế kiểu mới và những ngọn đèn trần luôn cháy sáng. Cô gái chỉ nhớ có thế, còn lữ quán thực sự chấm dứt vào ngày nào, bây giờ biến dạng ra sao, nhữnng người trong lữ quán đi đâu thì cô không biết rõ. Giờ đây, từ bờ biển nhìn lên, trong dãy phố mới lô nhô, không ai xác định nổi căn nhà nào thực sự là Hướng Dương ngày xưa. Nó đã tự biến đi, tự xoá tên trong cái trí nhớ của người qua lại.   
  
Ng. quay đi. Nàng chợt nhớ mình quên không cầm theo chiếc kính mát. Gió chiều thổi mạnh, mắt nàng bắt đầu nheo lại trước những đợt cát biển. Biển, biển và biển. Mặt trời đã xuống rất thấp, những đám mây hình thù quái dị sáng rực lên trên mặt sóng. Ng. nhìn thấy trong màu vàng của mây những hình ảnh quá khứ, rõ ràng, lặng lẽ. Ðã có một lần thôi, hai người đã phá lệ và ở lại với nhau dưới vòm trời ấy hơn một ngày một đêm. Chiều hôm trước, con cua biển trước khi trở về với sóng đã hốt hoảng kẹp vào tay nàng. Vết kẹp sưng lên và sáng hôm sau khi xoay mặt nàng ra khỏi vách tường để giã từ, người đàn ông nhận ra Ng. bị sốt. Nàng đẩy hai bàn tay anh ra và bảo hãy đi đi, nhưng anh không đi. Trong vòng tay của anh, nàng lại chạnh nhớ một tuổi thơ không mấy khi được vỗ về và chợt thút thít khóc như đứa trẻ.   
  
”Anh đi đi“. Ng. cố gắng nói một lần nữa. Trong trí óc đầy những huyền tưởng và chuyện thần tiên, nàng vẫn thường bị ám ảnh bởi lời của bà tiên dặn cô bé lọ lem không được vui chơi quá nửa đêm. Cô bé đã quên và đã trở về với y phục tả tơi rách nát. Những phép màu của bà tiên thời tuổi nhỏ nay nàng đã hiểu là phép màu của tình yêu. Nàng tự biết người đàn ông của mình là một luồng gió ngang ngược không chịu dừng lại trong bất kỳ thung lũng nào, nên đã quyết tâm cầm giữ anh bằng sự vô hạn của cả vòm trời. Nhưng ngày hôm đó khi bàn tay anh đặt lên vầng trán hâm hấp sốt của Ng. nàng chợt thấy lòng dấy lên một ước muốn rồ dại, được giữ chàng lại trong vòng aty mình vĩnh viễn.   
  
Dĩ nhiên điều đó không thể được. Nàng vốn đã biết điều đó không thể được. Gió biển mặn thổi vào mắt nàng cay nồng.

° ° °

Giờ đây mắt nàng cũng một cảm giác cay nồng như thế. Anh, em và Hướng Dương, bộ ba không còn nguyên vẹn. Rất có thể chiều nay, người đàn ông sẽ đến, như đã mười năm nay anh vẫn đến vào ngày ấy, giờ ấy, với chiếc túi bạt trên vai, mái tóc dầy rậm và đôi mắt nâu lơ đãng quen thuộc. Rất có thể hai người sẽ lạc nhau trong thị trấn nhỏ xíu này, khi cùng đi tìm một địa chỉ không còn nữa.   
  
Ng. đã quay về đến vùng phố xưa kia có Hướng Dương. Nàng bước vào quán cà phê với ý định ngồi đấy để nhận ra người đàn ông khi anh đi qua. Tiếng bản nhạc xa xưa vẫn vọng ra từ chiếc Stereo kiểu mới có ghi chữ Autoreverse trên bộc băng: Suốt buổi chiều băng nhạc được quay đi, quay lại trong một vòng tròn âm thanh khép kín. Ng. bước tới chiếc bàn con ngoài cùng, ngồi xuống. Có một người cùng ngồi xuống với Ng. Ðó là bóng nàng trong chiếc gương dài trên vách. Ng. tỉ mẩm soi mình trong thời gian trống rỗng. Ðôi chân phù nề. Khuôn mặt mệt mòi. Nàng nhận ra màu áo vàng không còn thích hợp. Ng. muốn về lại khách sạn để thay chiếc áo khác dễ nhìn hơn nhưng chợt thấy một cảm giác lành lạnh chạy dọc sống lưng. Nàng đột nhiên nghĩ đến ánh mắt của cô gái bán cua. Cô ta vừa nhận ra, vừa không nhận ra nàng nữa.   
Ng. ngồi im trong quán nhìn ra xa rất xa. Biển. Biển và biển.Những đám mây quái dị đủ màu đang sà sát xuống mặt sóng.   
  
Nửa giờ sau nàng lặng lẽ ra khỏi quán. Người đàn ông không đến. Hướng Dương không còn, chàng không còn. Và tôi cũng không còn. Với đôi chân phù nề. Ng. trở về khách sạn. Gió thổi bay nhoà những dấu chân nàng trên cát.   
  
Ngày mai khách sạn sẽ làm lễ khai trương. Hội trường trang trí đủ màu sắc xanh đỏ. Cuốn sổ lưu niệm Ng. vừa viết hồi sáng đang nằm trên chiếc bàn phủ khăn ren. Ng. băng qua hành lang để trở về phòng: Nàng thu dọn quần áo son phấn cho vào túi du lịch. Trong khi kiểm tra lại họp kem thường dùng, nàng đã phát hiện ra không phải là kem đã biến chất mà chính làn da mệt mỏi của nàng đã khô lại sau một chuyến đi xa.   
  
Nằm một lát, Ng. trở dậy mở cửa sổ nhìn ra phía biển, nơi đã từng có một lữ quán Hướng Dương dưới ánh mặt trời. Một bóng người đang đi đi lại lại trên con đường ven biển. ở rất xa, nhưng Ng. vẫn thấy rõ dáng đi quen thuộc ấy, với chiếc túi bạt trên vai, và dầu tất cả đường nét đều xa mờ, nàng lại thấy từ ký ức mái tóc rậm và đôi mắt nâu lơ đãng. Ðôi mắt ấy đang tìm cái bảng có vẽ bông quỳ vàng. Bông quỳ vàng chỉ còn trong tưởng nhớ. Bông quỳ vàng...   
  
Ng. gục xuống thành cửa sổ. Lúc ngẩng lên, mặt trời đã biến mất, những đám mây đột ngột xám lại như màu tro. Ng. thấy người đàn ông của mình ngồi trên ghềnh đá nhìn ra khơi. Anh đã kiếm tìm và đã thất vọng, như bao nhiêu người đi tìm điều gì đấy không có trên đời. Sóng quật trắng xoá vào những hòn đá đen trơn nhẵn. Phía dưới những hòn đá ấy, có lẽ vẫn tồn tại cả một vương quốc của loài cua biển đang góp phần chứng minh rằng doi đất ấy không bao giờ sụt lở như lời sấm vu vơ một thuở nào xa lắm.   
  
Ng. ngồi lặng im cho đến lúc quanh nàng chỉ còn đêm tối. Tôi đã đến, đã hạnh phúc và đã đến lúc ra đi. Hãy ra đi không từ giã, bởi trong giao ước của chúng ta, không có lời giã từ.   
  
Sáng hôm sau, trên chuyến xe rời thị trấn Ng. mệt mỏi thiếp đi, nàng mơ thấy hai người gặp nhau trên ghềnh đá cũ. Gió thổi tóc nàng rối tung bên vai người đàn ông, và nàng thấy hai bàn tay mình chợt mềm như lá cỏ, nàng thấy nắng chiều chiếu những tia vàng chói lọi trên mặt sóng xanh. Nàng thấy lại vòng tay ấm và cái hôn vị mặn- Giây phút của phép lành đã ban cho nàng sự sống lần thứ hai trong đời. Ðúng vào lúc ấy, ngọn gió lốc chợt thổi lên, cuốn xiết; mặt biển tở nên một vực xoáy khổng lồ; trong tiếng cát bay dữ dội, doi đất cong cùng thị trấn hoa quỳ vàng từ từ bị cuốn theo dòng cuồng lưu vô tận. Ng. thanh thản mỉm cười và nép mình trong vòng tay người yêu dấu trong khi cả hai cùng với ghềnh đá trôi theo một hành trình xa hút. Hành trình ấy dẫn đến một xứ sở rất xa, xa hơn mọi ánh sáng mặt trời- Bởi vì chính mặt trời cũng không vĩnh cửu.